DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
1	Đào Thị Hạ	04/04/1993	Khá	C00292000	QPAN2023/001	2/9/2023
2	Nguyễn Thị Loan	6/15/1989	Khá	C00532137	QPAN2023/002	2/9/2023
3	Vũ Khánh Ly	02/05/1990	Khá	C00532138	QPAN2023/003	2/9/2023
4	Nguyễn Quảng Đích	16/01/1992	Khá	C00532139	QPAN2023/004	2/9/2023
5	Nguyễn Châu Ninh	10/21/1979	Khá	C00532140	QPAN2023/005	2/9/2023
6	Đinh Xuân Việt	19/05/1983	Khá	C00532141	QPAN2023/006	2/9/2023
7	Trương Văn Bắc	11/02/1986	Khá	C00532145	QPAN2023/010	3/13/2023
8	Lương Thị Diệp	28/09/1988	Giỏi	C00532146	QPAN2023/011	3/13/2023
9	Sầm Văn Đô	01/02/1968	Khá	C00532147	QPAN2023/012	3/13/2023
10	Vương Văn Đồng	21/12/1990	Giỏi	C00532148	QPAN2023/013	3/13/2023
11	Mụ Văn Giang	03/07/1995	Khá	C00532149	QPAN2023/014	3/13/2023
12	Quan Hương Giang	29/09/1994	Giỏi	C00532150	QPAN2023/015	3/13/2023
13	Nguyễn Thúy Hà	11/12/1993	Giỏi	C00532151	QPAN2023/016	3/13/2023
14	Trần Thị Hảo	12/04/1986	Khá	C00532152	QPAN2023/017	3/13/2023
15	Nguyễn Thị Hậu	02/02/1982	Giỏi	C00532153	QPAN2023/018	3/13/2023
16	Nguyễn Thu Hiền	04/07/1986	Giỏi	C00532154	QPAN2023/019	3/13/2023
17	Phạm Thị Hồng	10/01/1987	Khá	C00532155	QPAN2023/020	3/13/2023
18	Đinh Thị Huế	07/07/1990	Giỏi	C00532156	QPAN2023/021	3/13/2023
19	Hoàng Mạnh Hùng	18/05/1985	Giỏi	C00532157	QPAN2023/022	3/13/2023
20	Nguyễn Thị Loan	26/09/1989	Khá	C00532158	QPAN2023/023	3/13/2023
21	Vũ Thị Loan	03/02/1988	Khá	C00532159	QPAN2023/024	3/13/2023
22	Phạm Thị Lan Hương	20/06/1996	Khá	C00532160	QPAN2023/025	3/13/2023
23	Phan Thị Lê	24/10/1989	Khá	C00532161	QPAN2023/026	3/13/2023
24	Âu Thị Luận	18/03/1978	Khá	C00532162	QPAN2023/027	3/13/2023
25	Nguyễn Thị Mơ	27/08/1997	Khá	C00532163	QPAN2023/028	3/13/2023
26	Nguyễn Thị Nga	04/05/1986	Giỏi	C00532164	QPAN2023/029	3/13/2023
27	Hoàng Thị Ngọc	14/08/1989	Giỏi	C00532165	QPAN2023/030	3/13/2023
28	Phạm Tuyết Nhung	25/02/1991	Giỏi	C00532166	QPAN2023/031	3/13/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
29	Lương Thi Phượng	14/04/1997	Khá	C00532167	QPAN2023/032	3/13/2023
30	Hà Thị Quyên	05/10/1992	Giỏi	C00532168	QPAN2023/033	3/13/2023
31	Đỗ Văn Toán	18/03/1980	Giỏi	C00532169	QPAN2023/034	3/13/2023
32	Nguyễn Quốc Tuấn	17/10/1967	Giỏi	C00532170	QPAN2023/035	3/13/2023
33	Chu Thanh Tuyền	20/07/1984	Khá	C00532171	QPAN2023/036	3/13/2023
34	Hỏa Văn Thái	19/09/1983	Giỏi	C00532172	QPAN2023/037	3/13/2023
35	Nguyễn Thị Bích Thìn	30/08/1977	Khá	C00532173	QPAN2023/038	3/13/2023
36	Nguyễn Thị Thu Thục	05/10/1984	Giỏi	C00532174	QPAN2023/039	3/13/2023
37	Lâm Thu Trang	19/10/1993	Giỏi	C00532175	QPAN2023/040	3/13/2023
38	Nguyễn Thị Trang	04/09/1988	Giỏi	C00532176	QPAN2023/041	3/13/2023
39	Lê Thanh Bình	2/19/1977	Khá	C00532184	QPAN2023/049	3/13/2023
40	Phạm Hoàng Ngân Hà	12/4/2001	Trung bình	C00532185	QPAN2023/050	3/13/2023
41	Hoàng Bích Hạnh	3/21/1986	Trung bình	C00532186	QPAN2023/051	3/13/2023
42	Bàn Hồng Hoàng	4/1/1990	Khá	C00532187	QPAN2023/052	3/13/2023
43	Nguyễn Thị Thanh Huyền	10/27/1991	Khá	C00532188	QPAN2023/053	3/13/2023
44	Trần Phi Pha	6/6/1986	Khá	C00532189	QPAN2023/054	3/13/2023
45	Cao Tiến Việt	10/2/1990	Khá	C00532190	QPAN2023/055	3/13/2023
46	Trần Thanh Tuấn	12/12/1986	Giỏi	C00532191	QPAN2023/056	3/13/2023
47	Nguyễn Thị Cúc	10/21/2002	Trung bình khá	C00532603	QPAN2023/057	5/15/2023
48	Nguyễn Thùy Dung	12/26/2000	Trung bình khá	C00532604	QPAN2023/058	5/15/2023
49	Bàn Thị Hà	10/20/1999	Trung bình khá	C00532605	QPAN2023/059	5/15/2023
50	Bùi Thị Thu Huyền	3/20/2001	Trung bình khá	C00532606	QPAN2023/060	5/15/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
51	Bàn Thị Pham	6/11/1999	Trung bình khá	C00532607	QPAN2023/061	5/15/2023
52	Lê Thúy Quỳnh	6/1/2001	Trung bình	C00532608	QPAN2023/062	5/15/2023
53	Vũ Thị Thu	12/17/2002	Trung bình khá	C00532609	QPAN2023/063	5/15/2023
54	Phạm Thị Tươi	10/6/1993	Khá	C00532610	QPAN2023/064	5/15/2023
55	Hà Thị Yên	7/6/2002	Trung bình khá	C00532611	QPAN2023/065	5/15/2023
56	Nông Thị Hải Yến	11/20/1997	Khá	C00532612	QPAN2023/066	5/15/2023
57	Vi Ngọc Đạt	5/29/1993	Khá	C00532201	QPAN2023/067	5/25/2023
58	Đào Duyên Hải	1/6/1985	Khá	C00532202	QPAN2023/068	5/25/2023
59	Dương Bình Quân	3/15/1998	Trung bình	C00532203	QPAN2023/069	5/25/2023
60	Trần Phạm Tuân	3/7/1987	Khá	C00532204	QPAN2023/070	5/25/2023
61	Vương Thế Anh	18/8/1989	Trung bình	C00532207	QPAN2023/072	5/25/2023
62	Hoàng Đức Chiêm	11/12/1988	Khá	C00532208	QPAN2023/073	5/25/2023
63	Hoàng Văn Hữu	22/7/1986	Khá	C00532209	QPAN2023/074	5/25/2023
64	Hoàng Văn Huyên	4/4/1991	Khá	C00532210	QPAN2023/075	5/25/2023
65	Đán Văn Mạnh	25/8/1988	Trung bình	C00532211	QPAN2023/076	5/25/2023
66	Hoàng Tiến Nghiêm	27/3/1986	Khá	C00532212	QPAN2023/077	5/25/2023
67	Nguyễn Hồng Quân	18/3/1992	Trung bình	C00532213	QPAN2023/078	5/25/2023
68	Vũ Thị Bình	11/26/1973	Trung bình-Khá	C00532214	QPAN2023/080	13/6/2023
69	Vũ Thị Cảnh	1/16/1971	Khá	C00532215	QPAN2023/081	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
70	Phạm Thị Chang	2/23/1994	Khá	C00532216	QPAN2023/082	13/6/2023
71	Bùi Thị Châm	8/20/1982	Trung bình-Khá	C00532217	QPAN2023/083	13/6/2023
72	Nguyễn Thị Kim Dung	5/2/1985	Khá	C00532218	QPAN2023/084	13/6/2023
73	Nguyễn Thị Duyên	7/27/1988	Khá	C00532219	QPAN2023/085	13/6/2023
74	Hà Thị Đẹp	1/9/1993	Khá	C00532220	QPAN2023/086	13/6/2023
75	Lục Thị Hà	10/9/1989	Khá	C00532221	QPAN2023/087	13/6/2023
76	Ngô Thị Hà	4/17/1992	Khá	C00532222	QPAN2023/088	13/6/2023
77	Nông Thị Hằng	12/17/1992	Khá	C00532223	QPAN2023/089	13/6/2023
78	Trần Thị Hằng	12/22/1970	Khá	C00532224	QPAN2023/090	13/6/2023
79	Dìu Thị Hoa	6/1/1976	Khá	C00532225	QPAN2023/091	13/6/2023
80	Ma Thị Hoan	5/30/1975	Khá	C00532226	QPAN2023/092	13/6/2023
81	Bàn Thị Hòa	10/3/1971	Khá	C00532227	QPAN2023/093	13/6/2023
82	Nguyễn Thị Hồng	10/11/1981	Khá	C00532228	QPAN2023/094	13/6/2023
83	Nông Thị Huế	10/9/1970	Khá	C00532229	QPAN2023/095	13/6/2023
84	Nguyễn Thị Huyền	7/7/1991	Trung bình	C00532230	QPAN2023/096	13/6/2023
85	Nông Thị Huyền	12/3/1988	Trung bình-Khá	C00532231	QPAN2023/097	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
86	Nông Thị Hương	10/24/1989	Khá	C00532232	QPAN2023/098	13/6/2023
87	Tạ Thị Hương	6/20/1994	Khá	C00532233	QPAN2023/099	13/6/2023
88	Nguyễn Thị Khánh	9/11/1989	Khá	C00532234	QPAN2023/100	13/6/2023
89	Hoàng Thu Khuyên	9/20/1993	Khá	C00532235	QPAN2023/101	13/6/2023
90	Lý Thị Kim	11/6/1970	Khá	C00532236	QPAN2023/102	13/6/2023
91	Lâm Thị Mai Lan	2/27/1988	Khá	C00532237	QPAN2023/103	13/6/2023
92	Nguyễn Thị Lan	2/13/1994	Khá	C00532238	QPAN2023/104	13/6/2023
93	Nguyễn Thị Linh	4/5/1997	Khá	C00532239	QPAN2023/105	13/6/2023
94	Ma Thị Hồng Loan	2/23/1970	Khá	C00532240	QPAN2023/106	13/6/2023
95	Hoàng Thị Mai	9/12/1993	Khá	C00532241	QPAN2023/107	13/6/2023
96	Nông Thị Minh	12/18/1974	Khá	C00532242	QPAN2023/108	13/6/2023
97	Bùi Thị Phương	5/25/1989	Khá	C00532243	QPAN2023/109	13/6/2023
98	Vũ Thị Phượng	1/23/1994	Khá	C00532244	QPAN2023/110	13/6/2023
99	Phạm Thị Thanh Sơn	1/27/1971	Khá	C00532245	QPAN2023/111	13/6/2023
100	Nguyễn Thị Thảo	5/3/1989	Khá	C00532246	QPAN2023/112	13/6/2023
101	Nguyễn Thị Thảo	5/3/1994	Khá	C00532247	QPAN2023/113	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
102	Nguyễn Thị Thêm	8/5/1988	Khá	C00532248	QPAN2023/114	13/6/2023
103	Hoàng Thị Thu	3/22/1971	Khá	C00532249	QPAN2023/115	13/6/2023
104	Nguyễn Thị Thúy	8/8/1975	Khá	C00532250	QPAN2023/116	13/6/2023
105	Hà Thị Thủy	9/12/1993	Khá	C00532251	QPAN2023/117	13/6/2023
106	Nguyễn Thị Thương	7/23/1994	Khá	C00532252	QPAN2023/118	13/6/2023
107	Nguyễn Thị Thu Trang	10/5/1996	Trung bình-Khá	C00532253	QPAN2023/119	13/6/2023
108	Chẩu Thị Tuyền	2/6/1994	Khá	C00532254	QPAN2023/120	13/6/2023
109	Vi Thị Vân	6/30/1980	Khá	C00532255	QPAN2023/121	13/6/2023
110	Hoàng Thị Lan Anh	10/6/2001	Khá	C00532256	QPAN2023/122	13/6/2023
111	Nguyễn Thế Anh	8/20/1986	Khá	C00532257	QPAN2023/123	13/6/2023
112	Phan Kiều Anh	8/29/1976	Khá	C00532258	QPAN2023/124	13/6/2023
113	Trần Lan Anh	7/31/1997	Khá	C00532259	QPAN2023/125	13/6/2023
114	Nguyễn Ngọc Diệp	9/12/1994	Khá	C00532260	QPAN2023/126	13/6/2023
115	Bùi Huyền Dịu	2/28/1993	Trung bình-Khá	C00532261	QPAN2023/127	13/6/2023
116	Nguyễn Thị Thùy Dung	6/12/2001	Khá	C00532262	QPAN2023/128	13/6/2023
117	Đặng Thị Hà	1/22/1978	Khá	C00532263	QPAN2023/129	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
118	ĐàmThị Hải	5/17/1991	Trung bình-Khá	C00532264	QPAN2023/130	13/6/2023
119	Nguyễn Thanh Hải	9/25/1990	Khá	C00532265	QPAN2023/131	13/6/2023
120	Nguyễn Thị Thúy Hằng	10/2/1988	Khá	C00532266	QPAN2023/132	13/6/2023
121	Nguyễn Thị Hân	12/8/1984	Khá	C00532267	QPAN2023/133	13/6/2023
122	Trần Thanh Hiền	12/21/1983	Khá	C00532268	QPAN2023/134	13/6/2023
123	Bùi Thị Bích Hường	11/28/1983	Khá	C00532269	QPAN2023/135	13/6/2023
124	Nguyễn Thị Thùy Linh	12/28/2001	Trung bình-Khá	C00532270	QPAN2023/136	13/6/2023
125	Nguyễn Thị Mai	10/3/1990	Khá	C00532271	QPAN2023/137	13/6/2023
126	Trần Khánh Mai	8/28/1988	Khá	C00532272	QPAN2023/138	13/6/2023
127	Đặng Thị Ái Nam	9/10/1991	Khá	C00532273	QPAN2023/139	13/6/2023
128	Lưu Thị Ngân	7/22/1991	Khá	C00532274	QPAN2023/140	13/6/2023
129	Phạm Thị Minh Nguyệt	6/22/1997	Khá	C00532275	QPAN2023/141	13/6/2023
130	Nguyễn Hồng Nhung	5/23/1980	Trung bình-Khá	C00532276	QPAN2023/142	13/6/2023
131	Dương Tố Như	10/31/1974	Khá	C00532277	QPAN2023/143	13/6/2023
132	Phạm Thị Oanh	1/2/1984	Khá	C00532278	QPAN2023/144	13/6/2023
133	Lê Thị Mai Phương	12/22/1980	Khá	C00532279	QPAN2023/145	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
134	Nguyễn Thị Sáu	12/5/1972	Khá	C00532280	QPAN2023/146	13/6/2023
135	Nguyễn Thị Thanh	6/14/1989	Khá	C00532281	QPAN2023/147	13/6/2023
136	Phạm Ngọc Thảo	11/25/1987	Khá	C00532282	QPAN2023/148	13/6/2023
137	Nguyễn Ngọc Thúy	12/15/1985	Khá	C00532283	QPAN2023/149	13/6/2023
138	Bùi Thị Ngọc Thủy	9/21/1975	Trung bình-Khá	C00532284	QPAN2023/150	13/6/2023
139	Lê Thanh Thủy	8/10/1986	Khá	C00532285	QPAN2023/151	13/6/2023
140	Đỗ Thị Thương	4/2/1990	Khá	C00532286	QPAN2023/152	13/6/2023
141	Luân Thị Thương	9/22/1993	Khá	C00532287	QPAN2023/153	13/6/2023
142	Bùi Thị Quỳnh Trang	4/28/1994	Trung bình	C00532288	QPAN2023/154	13/6/2023
143	Ngô Thị Ánh Tuyết	8/5/1980	Khá	C00532289	QPAN2023/155	13/6/2023
144	Lê Thị Ánh	10/20/1985	Khá	C005322290	QPAN2023/156	13/6/2023
145	Nguyễn Thị Bích	3/2/1986	Trung bình	C005322291	QPAN2023/157	13/6/2023
146	Nguyễn Thị Chang	3/9/1992	Trung bình	C005322292	QPAN2023/158	13/6/2023
147	Hứa Thị Điều	12/2/1994	Giỏi	C005322293	QPAN2023/159	13/6/2023
148	Trần Thị Hà	10/23/1983	Khá	C005322294	QPAN2023/160	13/6/2023
149	Ma Thị Hảo	8/17/1986	Khá	C005322295	QPAN2023/161	13/6/2023
150	Hồ Thị Hạ	6/13/1982	Khá	C005322296	QPAN2023/162	13/6/2023
151	Nguyễn Thị Hiền	11/17/1983	Trung bình	C005322297	QPAN2023/163	13/6/2023
152	Lê Thị Như Hoa	8/11/1986	Khá	C005322298	QPAN2023/164	13/6/2023
153	Trần Thị Hoa	2/23/1989	Trung bình	C005322299	QPAN2023/165	13/6/2023
154	Nông Kim Huệ	8/30/1987	Trung bình	C005322300	QPAN2023/166	13/6/2023
155	Lê Thị Lan Hương	4/23/1984	Khá	C005322301	QPAN2023/167	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
156	Nguyễn Thị Khuyên	11/9/1992	Khá	C005322302	QPAN2023/168	13/6/2023
157	Hà Thị Lên	5/29/1987	Khá	C005322303	QPAN2023/169	13/6/2023
158	Nguyễn Thùy Linh	10/5/1992	Khá	C005322304	QPAN2023/170	13/6/2023
159	Tạ Thị Lụa	9/17/1987	Khá	C005322305	QPAN2023/171	13/6/2023
160	Hoàng Thị Lý	5/5/1993	Khá	C005322306	QPAN2023/172	13/6/2023
161	Hoàng Thị Miên	7/14/1987	Khá	C005322307	QPAN2023/173	13/6/2023
162	Lý Thị Miền	1/1/1980	Trung bình	C005322308	QPAN2023/174	13/6/2023
163	Lộc Thị Mừng	7/25/1992	Trung bình	C005322309	QPAN2023/175	13/6/2023
164	Nguyễn Thị Nga	11/2/1989	Khá	C005322310	QPAN2023/176	13/6/2023
165	Phạm Thị Ngọc	12/25/1995	Khá	C005322311	QPAN2023/177	13/6/2023
166	Vi Thị Nguyên	4/1/1989	Khá	C005322312	QPAN2023/178	13/6/2023
167	Nông Thị Bích Nguyệt	4/26/1993	Trung bình	C005322313	QPAN2023/179	13/6/2023
168	Nguyễn Thị Thúy Phương	10/15/1988	Khá	C005322314	QPAN2023/180	13/6/2023
169	Hà Thị Quyết	3/15/1985	Khá	C005322315	QPAN2023/181	13/6/2023
170	Nguyễn Như Quỳnh	10/22/1989	Khá	C005322316	QPAN2023/182	13/6/2023
171	Nguyễn Thị Quỳnh	3/27/1991	Khá	C005322317	QPAN2023/183	13/6/2023
172	Nguyễn Thị Hồng Thảo	5/4/1992	Khá	C005322318	QPAN2023/184	13/6/2023
173	Khổng Thị Thắng	1/2/1978	Trung bình	C005322319	QPAN2023/185	13/6/2023
174	Ma Thị Thêm	11/8/1975	Trung bình	C005322320	QPAN2023/186	13/6/2023
175	Đỗ Thị Thu	10/30/1991	Khá	C005322321	QPAN2023/187	13/6/2023
176	Đặng Thị Thúy	5/26/1979	Khá	C005322322	QPAN2023/188	13/6/2023
177	Lý Thị Thúy	12/2/1990	Trung bình	C005322323	QPAN2023/189	13/6/2023
178	Dương Thị Thùy	7/20/1986	Khá	C005322324	QPAN2023/190	13/6/2023
179	Hoàng Thị Thủy	10/12/1984	Trung bình	C005322325	QPAN2023/191	13/6/2023
180	Trịnh Thanh Thủy	6/27/1988	Khá	C005322326	QPAN2023/192	13/6/2023
181	Vũ Thị Thương	5/1/1985	Khá	C005322327	QPAN2023/193	13/6/2023
182	Đỗ Thị Huyền Trang	7/22/1995	Khá	C005322328	QPAN2023/194	13/6/2023
183	Mã Thanh Tuyền	9/8/1992	Trung bình	C005322329	QPAN2023/195	13/6/2023
184	Nguyễn Thế Tuyền	8/9/1981	Khá	C005322330	QPAN2023/196	13/6/2023
185	Tạ Thị Tứ	10/5/1978	Trung bình	C005322331	QPAN2023/197	13/6/2023
186	Lương Thị Từng	6/9/1981	Khá	C005322332	QPAN2023/198	13/6/2023
187	Ma Thị Vui	12/26/1982	Khá	C005322333	QPAN2023/199	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
188	Phạm Mỹ Anh	1/22/1986	Khá	C005322334	QPAN2023/200	13/6/2023
189	Nguyễn Thị Ái	1/6/1981	Giỏi	C005322335	QPAN2023/201	13/6/2023
190	Hoàng Thị Dân	6/19/1990	Khá	C005322336	QPAN2023/202	13/6/2023
191	Phạm Thị Dung	9/25/1990	Khá	C005322337	QPAN2023/203	13/6/2023
192	Niêm Thị Duyên	4/4/1982	Khá	C005322338	QPAN2023/204	13/6/2023
193	Nguyễn Thị Định	10/5/1983	Giỏi	C005322339	QPAN2023/205	13/6/2023
194	Lục Trinh Hà	12/6/1986	Khá	C005322340	QPAN2023/206	13/6/2023
195	Nguyễn Thị Thanh Hà	12/18/1982	Trung bình	C005322341	QPAN2023/207	13/6/2023
196	Bùi Thị Thu Hải	6/29/1984	Khá	C005322342	QPAN2023/208	13/6/2023
197	Dương Thị Hảo	1/21/1992	Khá	C005322343	QPAN2023/209	13/6/2023
198	Hoàng Thị Hảo	10/6/1986	Khá	C005322344	QPAN2023/210	13/6/2023
199	Nguyễn Thị Hiền	11/24/1989	Giỏi	C005322345	QPAN2023/211	13/6/2023
200	Phan Thị Hiệp	7/25/1980	Khá	C005322346	QPAN2023/212	13/6/2023
201	Nguyễn Thị Hồng	2/16/1986	Trung bình	C005322347	QPAN2023/213	13/6/2023
202	Lê Thị Huế	10/3/1991	Khá	C005322348	QPAN2023/214	13/6/2023
203	Nguyễn Thị Huế	12/5/1992	Khá	C005322349	QPAN2023/215	13/6/2023
204	Phan Thị Kim Huệ	12/8/1987	Khá	C005322350	QPAN2023/216	13/6/2023
205	Phạm Thị Thương Huyền	9/29/1994	Khá	C005322351	QPAN2023/217	13/6/2023
206	Đỗ Thị Thu Hương	12/13/1986	Khá	C005322352	QPAN2023/218	13/6/2023
207	Đỗ Thị Thúy Hương	11/20/1996	Khá	C005322353	QPAN2023/219	13/6/2023
208	Ngô Thị Hương	1/18/1987	Khá	C005322354	QPAN2023/220	13/6/2023
209	Trần Thị Mai Hương	10/4/1992	Khá	C005322355	QPAN2023/221	13/6/2023
210	Vũ Thị Mai Hương	12/23/1990	Khá	C005322356	QPAN2023/222	13/6/2023
211	Trịnh Thị Lan Hương	1/5/1979	Khá	C00711960	QPAN2023/223	13/6/2023
212	Lê Ngọc Liên	4/28/1995	Giỏi	C005322358	QPAN2023/224	13/6/2023
213	Vũ Hoàng Liên	4/11/1992	Khá	C005322359	QPAN2023/225	13/6/2023
214	Trần Thị Hồng Minh	1/5/1979	Khá	C005322360	QPAN2023/226	13/6/2023
215	Vũ Thị Ngọc	3/31/1988	Khá	C005322361	QPAN2023/227	13/6/2023
216	Lý Thị Minh Nguyệt	10/6/1991	Khá	C005322362	QPAN2023/228	13/6/2023
217	Nguyễn Thị Hoa Nhài	6/28/1991	Giỏi	C005322363	QPAN2023/229	13/6/2023
218	Triệu Thị Nhuận	7/27/1982	Khá	C005322364	QPAN2023/230	13/6/2023
219	Dương Hồng Nhung	6/1/1987	Khá	C005322365	QPAN2023/231	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
220	Nguyễn Thị Nhung	8/20/1980	Khá	C005322366	QPAN2023/232	13/6/2023
221	Tạ Thị Hồng Nhung	6/2/1988	Khá	C005322367	QPAN2023/233	13/6/2023
222	Ma Thị Phương	4/10/1987	Khá	C005322368	QPAN2023/234	13/6/2023
223	Trần Bích Phượng	4/19/1994	Khá	C005322369	QPAN2023/235	13/6/2023
224	Ma Thị Quyên	2/4/1990	Giỏi	C005322370	QPAN2023/236	13/6/2023
225	Nguyễn Thị Quỳnh	10/18/1990	Khá	C005322400	QPAN2023/237	13/6/2023
226	Nguyễn Thị Thu Thảo	1/20/1994	Giỏi	C005322399	QPAN2023/238	13/6/2023
227	Hoàng Thị Thu	11/30/1983	Khá	C005322398	QPAN2023/239	13/6/2023
228	Nông Thị Thúy	5/1/1988	Khá	C005322371	QPAN2023/240	13/6/2023
229	Hoàng Thị Thủy	8/9/1993	Khá	C005322372	QPAN2023/241	13/6/2023
230	Nguyễn Thị Bích Thủy	7/30/1985	Giỏi	C005322373	QPAN2023/242	13/6/2023
231	Trần Thị Thủy	10/20/1982	Khá	C005322374	QPAN2023/243	13/6/2023
232	Ma Thị Tiếp	6/26/1988	Khá	C005322375	QPAN2023/244	13/6/2023
233	Đặng Thị Hải Yến	5/15/1984	Khá	C005322376	QPAN2023/245	13/6/2023
234	Vũ Thị Yến	6/10/1990	Trung bình	C005322377	QPAN2023/246	13/6/2023
235	Hoàng Thị Vân Anh	7/21/1990	Khá	C005322378	QPAN2023/247	13/6/2023
236	Trần Thị Lan Anh	6/6/1984	Giỏi	C005322379	QPAN2023/248	13/6/2023
237	Nguyễn Thị Đào	12/27/1987	Khá	C005322380	QPAN2023/249	13/6/2023
238	Nguyễn Thị Hương Giang	6/28/1988	Giỏi	C005322381	QPAN2023/250	13/6/2023
239	Bùi Thị Hằng	1/3/1977	Khá	C005322382	QPAN2023/251	13/6/2023
240	Đàm Thu Hằng	9/29/1988	Khá	C005322383	QPAN2023/252	13/6/2023
241	Nguyễn Thu Hằng	4/29/1995	Giỏi	C005322384	QPAN2023/253	13/6/2023
242	Đào Thị Hoa	8/6/1985	Khá	C005322385	QPAN2023/254	13/6/2023
243	Đặng Thị Huế	2/28/1989	Giỏi	C005322386	QPAN2023/255	13/6/2023
244	Đào Thị Huyền	6/20/1984	Trung bình	C005322387	QPAN2023/256	13/6/2023
245	Lã Thị Hường	9/24/1980	Khá	C005322388	QPAN2023/257	13/6/2023
246	Phạm Thị Hường	8/21/1982	Giỏi	C005322389	QPAN2023/258	13/6/2023
247	Hoàng Thị Lan	6/10/1980	Khá	C005322390	QPAN2023/259	13/6/2023
248	La Thị Lắm	1/9/1986	Khá	C005322391	QPAN2023/260	13/6/2023
249	Mạc Thị Liễu	2/19/1989	Khá	C005322392	QPAN2023/261	13/6/2023
250	Trần Hoài Linh	9/16/1993	Trung bình	C005322393	QPAN2023/262	13/6/2023
251	Tống Thị Bích Lộc	9/14/1987	Khá	C005322395	QPAN2023/263	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
252	Ma Thị Na	1/15/1988	Giỏi	C005322396	QPAN2023/264	13/6/2023
253	Doãn Thị Hải Ngọc	3/1/1994	Giỏi	C005322397	QPAN2023/265	13/6/2023
254	Ma Thị Ngơi	4/9/1989	Khá	C005322401	QPAN2023/266	13/6/2023
255	Triệu Thị Tuyết Nhung	5/15/1983	Khá	C005322402	QPAN2023/267	13/6/2023
256	Lê Kim Oanh	3/29/1987	Khá	C005322403	QPAN2023/268	13/6/2023
257	Phạm Bích Phượng	7/20/1985	Trung bình	C005322404	QPAN2023/269	13/6/2023
258	Hà Lệ Quyên	10/10/1986	Khá	C005322405	QPAN2023/270	13/6/2023
259	Hà Thị Quỳnh	10/8/1984	Khá	C005322406	QPAN2023/271	13/6/2023
260	Triệu Thanh Tâm	11/11/1993	Giỏi	C005322407	QPAN2023/272	13/6/2023
261	Hoàng Thị Thảo	8/17/1978	Khá	C005322408	QPAN2023/273	13/6/2023
262	Ma Thị Thảo	1/2/1987	Giỏi	C005322409	QPAN2023/274	13/6/2023
263	Lương Thị Thêm	7/6/1978	Khá	C005322410	QPAN2023/275	13/6/2023
264	Trần Thị Thoa	4/19/1989	Giỏi	C005322411	QPAN2023/276	13/6/2023
265	Bá Thị Thúy	9/5/1979	Khá	C005322412	QPAN2023/277	13/6/2023
266	Hoàng Thanh Thúy	11/2/1987	Trung bình	C005322413	QPAN2023/278	13/6/2023
267	Nguyễn Thị Thùy	11/13/1992	Giỏi	C005322414	QPAN2023/279	13/6/2023
268	Vũ Thị Bích Thủy	5/27/1993	Giỏi	C005322415	QPAN2023/280	13/6/2023
269	Vũ Thu Thủy	2/22/1982	Khá	C005322416	QPAN2023/281	13/6/2023
270	Nguyễn Thị Tình	11/4/1976	Khá	C005322417	QPAN2023/282	13/6/2023
271	Trần Thị Trang	7/20/1994	Giỏi	C005322418	QPAN2023/283	13/6/2023
272	Lý Thị Tuyến	1/14/1985	Khá	C005322419	QPAN2023/284	13/6/2023
273	Bá Thị Tươi	11/7/1989	Khá	C005322420	QPAN2023/285	13/6/2023
274	Nguyễn Thị Vuông	10/28/1990	Giỏi	C005322421	QPAN2023/286	13/6/2023
275	Nguyễn Thị Tâm	10/13/1976	Khá	C005322422	QPAN2023/287	13/6/2023
276	Ma Thị Ngọc Bích	10/28/2001	Khá	C005322423	QPAN2023/288	13/6/2023
277	Lương Hán Quỳnh Trang	5/31/1998	Trung bình	C005322424	QPAN2023/289	13/6/2023
278	Hoàng Thị Ly Diệu	2/27/2001	Trung bình	C005322425	QPAN2023/290	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
279	Chu Thùy Linh	8/26/2000	Khá	C005322426	QPAN2023/291	13/6/2023
280	Khổng Văn Bộ	10/21/1994	Khá	C00532427	QPAN2023/292	13/6/2023
281	Mai Thị Duyên	8/28/1993	Khá	C00532428	QPAN2023/293	13/6/2023
282	Dương Thị Bích Đào	3/23/1991	Trung bình	C00532429	QPAN2023/294	13/6/2023
283	Nguyễn Thị Thu Hiền	7/3/1993	Khá	C00532430	QPAN2023/295	13/6/2023
284	Ma Xuân Hoàng	7/25/1992	Khá	C00532431	QPAN2023/296	13/6/2023
285	Lương Thu Huyền	8/2/1994	Khá	C00532432	QPAN2023/297	13/6/2023
286	Vũ Thị Hương	12/31/1995	Khá	C00532433	QPAN2023/298	13/6/2023
287	Nguyễn Thu Hường	2/21/1981	Khá	C00532434	QPAN2023/299	13/6/2023
288	Triệu Thị Thùy Linh	11/9/1995	Khá	C00532435	QPAN2023/300	13/6/2023
289	Nguyễn Thị Minh Loan	2/18/1977	Khá	C00532436	QPAN2023/301	13/6/2023
290	Quân Thị Mai	2/1/1991	Giỏi	C00532437	QPAN2023/302	13/6/2023
291	Trần Thị Thanh Mai	4/8/1974	Trung bình	C00532438	QPAN2023/303	13/6/2023
292	Nguyễn Thị Nga	9/29/1994	Khá	C00532439	QPAN2023/304	13/6/2023
293	Vũ Thị Nga	9/16/1990	Khá	C00532440	QPAN2023/305	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
294	Hoàng Thị Nguyện	9/12/1988	Khá	C00532441	QPAN2023/306	13/6/2023
295	Ma Thị Nhuận	8/2/1993	Khá	C00532442	QPAN2023/307	13/6/2023
296	Ma Thị Phượng	5/5/1994	Giỏi	C00532443	QPAN2023/308	13/6/2023
297	Cao Thị Thắm	1/18/1995	Khá	C00532444	QPAN2023/309	13/6/2023
298	Đinh Thị Thu Thủy	12/7/1993	Khá	C00532445	QPAN2023/310	13/6/2023
299	Nguyễn Thu Thủy	9/21/1995	Giỏi	C00532446	QPAN2023/311	13/6/2023
300	Đặng Thùy Trang	5/15/1995	Khá	C00532447	QPAN2023/312	13/6/2023
301	Quân Thanh Tùng	9/27/1994	Khá	C00532448	QPAN2023/313	13/6/2023
302	Trần Thị Vân	1/8/1990	Giỏi	C00532449	QPAN2023/314	13/6/2023
303	Trần Ánh Dương	5/4/1980	Trung bình	C00532450	QPAN2023/315	13/6/2023
304	Nông Thị Hồng Hải	11/8/1974	Khá	C00532451	QPAN2023/316	13/6/2023
305	Ma Văn Hoàng	1/25/1976	Trung bình	C00532452	QPAN2023/317	13/6/2023
306	Trịnh Xuân Hùng	5/4/1981	Khá	C00532453	QPAN2023/318	13/6/2023
307	Hoàng Thị Khải	6/15/1984	Khá	C00532454	QPAN2023/319	13/6/2023
308	Trương Minh Khôi	8/4/1990	Khá	C00532455	QPAN2023/320	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
309	Nịnh Văn Khởi	6/18/1990	Khá	C00532456	QPAN2023/321	13/6/2023
310	Nguyễn Thị La	9/23/1991	Khá	C00532457	QPAN2023/322	13/6/2023
311	Hoàng Thùy Linh	8/9/1994	Khá	C00532458	QPAN2023/323	13/6/2023
312	Trịnh Hồng Lương	11/26/1976	Trung bình	C00532459	QPAN2023/324	13/6/2023
313	Trần Thị Yến Ly	8/12/1978	Khá	C00532460	QPAN2023/325	13/6/2023
314	Hoàng Thị Mích	12/3/1976	Khá	C00532461	QPAN2023/326	13/6/2023
315	Nông Văn Nếp	12/2/1982	Khá	C00532462	QPAN2023/327	13/6/2023
316	Vũ Thu Phương	1/5/1984	Khá	C00532463	QPAN2023/328	13/6/2023
317	Ma Thị Sao	1/5/1975	Trung bình	C00532464	QPAN2023/329	13/6/2023
318	Vũ Minh Thêm	4/26/1985	Khá	C00532465	QPAN2023/330	13/6/2023
319	Đỗ Thị Kiều Trang	12/20/1997	Khá	C00532466	QPAN2023/331	13/6/2023
320	Đỗ Xuân Trường	4/3/1991	Khá	C00532467	QPAN2023/332	13/6/2023
321	Dương Khánh Tùng	3/24/1976	Khá	C00532468	QPAN2023/333	13/6/2023
322	Lê Minh Vân	2/7/1978	Giỏi	C00532469	QPAN2023/334	13/6/2023
323	Nguyễn Thị Bích Việt	4/6/1976	Trung bình	C00532470	QPAN2023/335	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
324	Ph¹m TuÊn Anh	28/08/1992	Kh¸	C00532500	QPAN2023/336	13/6/2023
325	Ma LÖ BĐ	28/09/1989	Giái	C00532499	QPAN2023/337	13/6/2023
326	Vi ThÞ Ch©m	05/12/1991	Kh¸	C00532498	QPAN2023/338	13/6/2023
327	Ma §øc C-¬ng	28/01/1995	Kh¸	C00532497	QPAN2023/339	13/6/2023
328	Ma ThÞ DiÖn	16/05/1993	Kh¸	C00532496	QPAN2023/340	13/6/2023
329	Hµ Do·n D-¬ng	30/11/1992	Giái	C00532495	QPAN2023/341	13/6/2023
330	Hoµng ThÞ D-ìng	22/04/1993	Giái	C00532494	QPAN2023/342	13/6/2023
331	TrÇn ThÞ BÝch Hµ	06/01/1992	Giái	C00532493	QPAN2023/343	13/6/2023
332	TriÖu ThÞ Thu Hµ	11/03/1976	Giái	C00532492	QPAN2023/344	13/6/2023
333	Hµ ThÞ H¹nh	23/10/1990	Giái	C00532491	QPAN2023/345	13/6/2023
334	Ma ThÞ H¹nh	21/08/1991	Kh¸	C00532490	QPAN2023/346	13/6/2023
335	Cao ThÞ H»ng	02/08/1975	Kh¸	C00532471	QPAN2023/347	13/6/2023
336	Hoµng ThÞ HiÒn	08/03/1989	Giái	C00532472	QPAN2023/348	13/6/2023
337	§Æng ThÞ Hoa	13/07/1994	Giái	C00532473	QPAN2023/349	13/6/2023
338	Cao ThÞ Hång	11/04/1993	Kh¸	C00532474	QPAN2023/350	13/6/2023
339	Hµ ThÞ Hång	20/09/1993	Kh¸	C00532475	QPAN2023/351	13/6/2023
340	Hµ ThÞ Hång	26/12/1994	Giái	C00532476	QPAN2023/352	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
341	Lôc ThÞ HuyÒn	05/01/1980	Giái	C00532477	QPAN2023/353	13/6/2023
342	TriÖu ThÞ HuyÒn	24/12/1993	Giái	C00532478	QPAN2023/354	13/6/2023
343	NguyÔn ThÞ H-ên	28/10/1992	Giái	C00532479	QPAN2023/355	13/6/2023
344	Ma ThÞ H-ën	22/12/1993	Giái	C00532480	QPAN2023/356	13/6/2023
345	Ma ThÞ Ngäc Kh¸nh	13/11/1994	Giái	C00532481	QPAN2023/357	13/6/2023
346	NguyÔn ThÞ Loan	12/06/1975	Kh¸	C00532482	QPAN2023/358	13/6/2023
347	TriÖu Kim Long	13/09/1990	Kh¸	C00532483	QPAN2023/359	13/6/2023
348	T¹ ThÞ LuyÕn	01/05/1992	Kh¸	C00532484	QPAN2023/360	13/6/2023
349	Hoµng ThÞ Mai	26/06/1990	Kh¸	C00532485	QPAN2023/361	13/6/2023
350	TriÖu Ngäc Mai	01/07/1994	Giái	C00532486	QPAN2023/362	13/6/2023
351	Ma ThÞ M¬	20/11/1993	Giái	C00532487	QPAN2023/363	13/6/2023
352	L-¬ng ThÞ NÊm	10/03/1973	Kh¸	C00532488	QPAN2023/364	13/6/2023
353	V× ThÞ Thóy Nga	08/08/1992	Giái	C00532489	QPAN2023/365	13/6/2023
354	Quan ThÞ Ngµ	21/09/1990	Kh¸	C00532501	QPAN2023/366	13/6/2023
355	Ma Träng Nh·	13/09/1978	Giái	C00532502	QPAN2023/367	13/6/2023
356	Ma ThÞ NhËt	01/08/1975	Kh¸	C00532503	QPAN2023/368	13/6/2023
357	Léc ThÞ Nhu	16/02/1992	Kh¸	C00532504	QPAN2023/369	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
358	Bïi ThÞ Ph-¬ng	16/07/1975	Kh¸	C00532505	QPAN2023/370	13/6/2023
359	Hoµng Thu Ph-¬ng	30/03/1996	Giái	C00532506	QPAN2023/371	13/6/2023
360	TrÇn ThÞ Ph-¬ng	10/02/1995	Giái	C00532507	QPAN2023/372	13/6/2023
361	Tr-¬ng ThÞ Ph-¬ng	22/03/1992	Giái	C00532508	QPAN2023/373	13/6/2023
362	Bµn V¨n T©n	01/01/1987	Kh¸	C00532509	QPAN2023/374	13/6/2023
363	L-¬ng V¨n T©n	02/05/1995	Kh¸	C00532510	QPAN2023/375	13/6/2023
364	Hoµng ThÞ Th¬m	01/09/1979	Kh¸	C00532511	QPAN2023/376	13/6/2023
365	N«ng Kh¸nh Thu	02/09/1979	Kh¸	C00532512	QPAN2023/377	13/6/2023
366	NguyÔn ThÕ ThuyÕt	01/08/1989	Giái	C00532513	QPAN2023/378	13/6/2023
367	NguyÔn ThÞ Kim TiÕn	20/02/1996	Giái	C00532514	QPAN2023/379	13/6/2023
368	Ma ThÞ TiÕp	16/12/1989	Kh¸	C00532515	QPAN2023/380	13/6/2023
369	NguyÔn Minh Trang	26/05/1996	Giái	C00532516	QPAN2023/381	13/6/2023
370	Ma ThÞ Tr×nh	21/07/1993	Giái	C00532517	QPAN2023/382	13/6/2023
371	Ma V¨n TuÊn	23/05/1991	Kh¸	C00532518	QPAN2023/383	13/6/2023
372	Quan ThÞ Tuyªn	07/09/1978	Giái	C00532519	QPAN2023/384	13/6/2023
373	Lôc ThÞ TuyÕt	26/05/1976	Kh¸	C00532520	QPAN2023/385	13/6/2023
374	Ma ThÞ TuyÕt	21/06/1977	Giái	C00532521	QPAN2023/386	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
375	Ma Ngäc Tó	14/10/1991	Kh¸	C00532522	QPAN2023/387	13/6/2023
376	Ma ThÞ ViÔn	28/12/1990	Giái	C00532523	QPAN2023/388	13/6/2023
377	Bïi ThÞ XuyÕn	01/12/1977	Giái	C00532524	QPAN2023/389	13/6/2023
378	NguyÔn ThÞ V©n Anh	24/11/1977	Giái	C00532525	QPAN2023/390	13/6/2023
379	Ng« ThÞ Cöu	27/12/1971	Kh¸	C00532526	QPAN2023/391	13/6/2023
380	§Æng V¨n Dù	05/07/1991	Giái	C00532527	QPAN2023/392	13/6/2023
381	NguyÔn ThÞ Thu Hµ	12/06/1983	Kh¸	C00532528	QPAN2023/393	13/6/2023
382	TriÖu ThÞ Thu Hµ	24/10/1974	Kh¸	C00532529	QPAN2023/394	13/6/2023
383	Ma ThÞ Hµnh	17/05/1975	Kh¸	C00532530	QPAN2023/395	13/6/2023
384	§ç ThÞ H¹nh	16/07/1976	Kh¸	C00532531	QPAN2023/396	13/6/2023
385	N«ng Thóy H»ng	08/12/1978	Kh¸	C00532532	QPAN2023/397	13/6/2023
386	Ma ThÞ Hiªn	01/01/1977	Kh¸	C00532533	QPAN2023/398	13/6/2023
387	Lª ThÞ Hoan	06/11/1992	Giái	C00532534	QPAN2023/399	13/6/2023
388	Hoµng ThÞ Thu Hßa	15/12/1976	Kh¸	C00532535	QPAN2023/400	13/6/2023
389	Ma ThÞ Hßa	01/07/1976	Kh¸	C00532536	QPAN2023/401	13/6/2023
390	L¹i V¨n Häc	02/09/1969	Giái	C00532537	QPAN2023/402	13/6/2023
391	Hµ ThÞ HuÖ	28/05/1990	Kh¸	C00532538	QPAN2023/403	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
392	LÒu ThÞ HuyÒn	08/01/1994	Giái	C00532539	QPAN2023/404	13/6/2023
393	NguyÔn ThÞ Thu HuyÒn	03/03/1972	Kh¸	C00532540	QPAN2023/405	13/6/2023
394	Lï Phóng Hïng	09/11/1994	Kh¸	C00532541	QPAN2023/406	13/6/2023
395	§Æng Ngäc Lan	17/10/1994	Giái	C00532542	QPAN2023/407	13/6/2023
396	Lª ThÞ Lan	05/12/1977	Kh¸	C00532543	QPAN2023/408	13/6/2023
397	T« ThÞ Lanh	20/02/1987	Giái	C00532544	QPAN2023/409	13/6/2023
398	NguyÔn ThÞ Thïy Linh	17/07/1972	Giái	C00532545	QPAN2023/410	13/6/2023
399	NguyÔn ThÞ Ngäc Mai	04/01/1990	Giái	C00532546	QPAN2023/411	13/6/2023
400	N«ng V¨n Mao	01/05/1974	Kh¸	C00532547	QPAN2023/412	13/6/2023
401	Ma C«ng Minh	21/08/1988	Giái	C00532548	QPAN2023/413	13/6/2023
402	Lý Hảng Nga	07/02/1983	Kh¸	C00532549	QPAN2023/414	13/6/2023
403	Ph¹m ThÞ Nga	06/11/1993	Giái	C00532550	QPAN2023/415	13/6/2023
404	NguyÔn ThÞ Hảng NguyÖt	12/10/1974	Kh¸	C00532551	QPAN2023/416	13/6/2023
405	§ảng V¨n Nh©m	30/09/1990	Giái	C00532552	QPAN2023/417	13/6/2023
406	Qu©n ThÞ Nhung	06/01/1994	Giái	C00532553	QPAN2023/418	13/6/2023
407	Lª ThÞ Ph-¬ng	20/08/1994	Giái	C00532554	QPAN2023/419	13/6/2023
408	Hoµng V¨n Quy	16/03/1969	Kh¸	C00532555	QPAN2023/420	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
409	Ma ThÞ Sen	08/11/1991	Giái	C00532556	QPAN2023/421	13/6/2023
410	§Æng V¨n S«ng	17/11/1969	Kh¸	C00532557	QPAN2023/422	13/6/2023
411	Vò ThÞ S¬n	01/10/1993	Kh¸	C00532558	QPAN2023/423	13/6/2023
412	Quan ThÞ T©n	26/05/1991	Giái	C00532559	QPAN2023/424	13/6/2023
413	NguyÔn ThÞ Th¸i	25/01/1990	Kh¸	C00532560	QPAN2023/425	13/6/2023
414	Vò ThÞ Th¶o	28/05/1995	Giái	C00532561	QPAN2023/426	13/6/2023
415	N«ng V¨n ThiÕt	05/01/1991	Giái	C00532562	QPAN2023/427	13/6/2023
416	Hµ ThÞ Kim Thoa	02/02/1993	Giái	C00532563	QPAN2023/428	13/6/2023
417	Hµ ThÞ Thoan	30/01/1981	Giái	C00532564	QPAN2023/429	13/6/2023
418	Hµ ThÞ TiÒm	28/10/1992	Giái	C00532565	QPAN2023/430	13/6/2023
419	NguyÔn Thu Trang	05/09/1992	Kh¸	C00532566	QPAN2023/431	13/6/2023
420	§Æng V¨n TuÊn	19/11/1980	Kh¸	C00532567	QPAN2023/432	13/6/2023
421	Ma ThÞ Tóy	12/05/1990	Kh¸	C00532568	QPAN2023/433	13/6/2023
422	NguyÔn H¶i YÕn	05/10/1976	Kh¸	C00532569	QPAN2023/434	13/6/2023
423	Ma ThÞ BÝch	22/02/1990	Kh¸	C00532570	QPAN2023/435	13/6/2023
424	Quan V¨n ChuÈn	30/09/1989	Giái	C00532571	QPAN2023/436	13/6/2023
425	N«ng ThÞ Cóc	18/11/1995	Giái	C00532572	QPAN2023/437	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
426	Ma ThÞ DiÔn	03/06/1988	Kh¸	C00532573	QPAN2023/438	13/6/2023
427	L-u ThÞ DiÖp	09/08/1990	Giái	C00532574	QPAN2023/439	13/6/2023
428	NguyÔn ThÞ BÝch §µo	11/06/1975	Giái	C00532575	QPAN2023/440	13/6/2023
429	Ch- ThÞ Hµ	12/09/1995	Giái	C00532576	QPAN2023/441	13/6/2023
430	§ç ThÞ Thu Hµ	26/05/1976	Giái	C00532577	QPAN2023/442	13/6/2023
431	Ph¹m ThÞ Hµ	21/10/1977	Giái	C00532578	QPAN2023/443	13/6/2023
432	TrÇn ThÞ Thu H»ng	22/02/1977	Giái	C00532579	QPAN2023/444	13/6/2023
433	Quan ThÞ HiÒn	08/09/1989	Giái	C00532580	QPAN2023/445	13/6/2023
434	Ma ThÞ H×nh	07/08/1992	Kh¸	C00532581	QPAN2023/446	13/6/2023
435	Quan ThÞ Hßa	22/02/1993	Kh¸	C00532582	QPAN2023/447	13/6/2023
436	§ç ThÞ Hảng	26/09/1976	Kh¸	C00532583	QPAN2023/448	13/6/2023
437	Tr-¬ng ThÞ Hảng	10/08/1992	Kh¸	C00532584	QPAN2023/449	13/6/2023
438	Hoµng ThÞ HuyÒn	26/11/1972	Kh¸	C00532585	QPAN2023/450	13/6/2023
439	N«ng ThÞ H-¬ng	30/12/1991	Giái	C00532586	QPAN2023/451	13/6/2023
440	Quan ThÞ H-¬ng	14/06/1991	Giái	C00532587	QPAN2023/452	13/6/2023
441	QuyÒn ThÞ H-¬ng	11/03/1976	Kh¸	C00532588	QPAN2023/453	13/6/2023
442	Quan Thu H-ên g	07/10/1994	Giái	C00532589	QPAN2023/454	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
443	NguyÔn ThÞ L÷	23/03/1976	Giái	C00532590	QPAN2023/455	13/6/2023
444	T¹ ThÞ Thïy Linh	23/07/1995	Giái	C00532591	QPAN2023/456	13/6/2023
445	Phïng ThÞ Loan	26/09/1973	Giái	C00532592	QPAN2023/457	13/6/2023
446	TrÇn ThÞ Loan	04/10/1995	Giái	C00532593	QPAN2023/458	13/6/2023
447	Vò ThÞ Kim Loan	09/04/1972	Giái	C00532594	QPAN2023/459	13/6/2023
448	C«ng ThÞ Lùc	24/02/1989	Giái	C00532595	QPAN2023/460	13/6/2023
449	Hµ ThÞ Nga	28/08/1990	Giái	C00532596	QPAN2023/461	13/6/2023
450	Hoµng Trung NghÜa	01/06/1994	Giái	C00532597	QPAN2023/462	13/6/2023
451	Ma ThÞ Ngo·n	03/10/1991	Giái	C00532598	QPAN2023/463	13/6/2023
452	Hoµng ThÞ Nhi	01/11/1973	Giái	C00532599	QPAN2023/464	13/6/2023
453	T¹ ThÞ NiÒm	03/05/1992	Giái	C00532600	QPAN2023/465	13/6/2023
454	Ma ThÞ N-¬ng	24/01/1988	Giái	C00711792	QPAN2023/466	13/6/2023
455	Quan ThÞ Oanh	23/09/1976	Giái	C00711793	QPAN2023/467	13/6/2023
456	TriÖu ThÞ Oanh	10/08/1992	Giái	C00711794	QPAN2023/468	13/6/2023
457	L-u HuÖ Ph-¬ng	02/10/1994	Giái	C00711795	QPAN2023/469	13/6/2023
458	Hµ ThÞ Th¶o	09/05/1976	Kh¸	C00711796	QPAN2023/470	13/6/2023
459	N«ng ThÞ Th¶o	14/10/1990	Giái	C00711797	QPAN2023/471	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
460	Lý ThÞ ThÞnh	21/11/1992	Giái	C00711798	QPAN2023/472	13/6/2023
461	Hµ ThÞ Tháa	06/08/1992	Giái	C00711799	QPAN2023/473	13/6/2023
462	Ph¹m ThÞ Th¬	10/08/1974	Giái	C00711800	QPAN2023/474	13/6/2023
463	Hµ ThÞ Th¬m	16/08/1973	Giái	C00713001	QPAN2023/475	13/6/2023
464	Ma ThÞ Thu	19/02/1994	Kh¸	C00713002	QPAN2023/476	13/6/2023
465	Ma ThÞ TÝnh	10/02/1976	Kh¸	C00713003	QPAN2023/477	13/6/2023
466	Hoµng ThÞ Tr-ªng	28/07/1994	Giái	C00713004	QPAN2023/478	13/6/2023
467	Ma ThÞ TuyÕt	19/04/1985	Giái	C00713005	QPAN2023/479	13/6/2023
468	Hoµng ThÞ ¦¬ng	22/11/1981	Giái	C00713006	QPAN2023/480	13/6/2023
469	Hoµng ThÞ Vú	02/09/1976	Kh¸	C00713007	QPAN2023/481	13/6/2023
470	Quan ThÞ Y³u	09/08/1988	Giái	C00713008	QPAN2023/482	13/6/2023
471	Bµn ThÞ B×nh	29/08/1975	Kh¸	C00713009	QPAN2023/483	13/6/2023
472	L³ ThÞ B×nh	01/07/1988	Kh¸	C00713010	QPAN2023/484	13/6/2023
473	NguyÔn V¨n ChiÕn	10/12/1996	Giái	C00713011	QPAN2023/485	13/6/2023
474	Tr-¬ng ThÞ Hång Chuy³n	16/02/1984	Kh¸	C00713012	QPAN2023/486	13/6/2023
475	Høa ThÞ Hång GÊm	08/12/1994	Kh¸	C00713013	QPAN2023/487	13/6/2023
476	TrÇn H-¬ng Giang	30/04/1994	Kh¸	C00713014	QPAN2023/488	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
477	Hoµng ThÞ H»ng	13/12/1992	Kh¸	C00713015	QPAN2023/489	13/6/2023
478	TrÞnh ThÞ HiÒn	15/02/1992	Giái	C00713016	QPAN2023/490	13/6/2023
479	NguyÔn ThÞ Hoa	02/03/1974	Kh¸	C00713017	QPAN2023/491	13/6/2023
480	Bïi V¨n Hoan	20/01/1995	Kh¸	C00713018	QPAN2023/492	13/6/2023
481	§inh ThÞ Thóy Hoµn	20/09/1992	Kh¸	C00713019	QPAN2023/493	13/6/2023
482	Høa ThÞ Thanh HuyÒn	02/03/1991	Kh¸	C00713020	QPAN2023/494	13/6/2023
483	NguyÔn ThÞ HuyÒn	13/12/1995	Kh¸	C00713021	QPAN2023/495	13/6/2023
484	Vò ThÞ Thu HuyÒn	07/10/1978	Kh¸	C00713022	QPAN2023/496	13/6/2023
485	Hµ ThÞ Lan	05/01/1992	Kh¸	C00713023	QPAN2023/497	13/6/2023
486	ThÌn ThÞ Lan	14/01/1993	Kh¸	C00713024	QPAN2023/498	13/6/2023
487	Hµ TiÕn Li³m	08/02/1994	Kh¸	C00713025	QPAN2023/499	13/6/2023
488	Vò §øc Lîi	26/02/1992	Kh¸	C00713026	QPAN2023/500	13/6/2023
489	N«ng ThÞ LuyÖn	23/04/1974	Giái	C00713027	QPAN2023/501	13/6/2023
490	Bïi ThÞ Mai	03/05/1975	Giái	C00713028	QPAN2023/502	13/6/2023
491	NguyÔn ThÞ Mai	21/12/1996	Giái	C00713029	QPAN2023/503	13/6/2023
492	Ph¹m ThÞ Ng©n	10/12/1991	Giái	C00713030	QPAN2023/504	13/6/2023
493	Bµn ThÞ Ngäc	28/11/1997	Kh¸	C00713031	QPAN2023/505	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
494	N«ng V¨n Nguyª n	10/09/1996	Kh¸	C00713032	QPAN2023/506	13/6/2023
495	Ph¹m ThÞ Hång Nhung	17/03/1989	Kh¸	C00713033	QPAN2023/507	13/6/2023
496	TrÇn ThÞ Nhung	10/10/1974	Giái	C00713034	QPAN2023/508	13/6/2023
497	Bµn ThÞ Niª n	02/01/1974	Kh¸	C00713035	QPAN2023/509	13/6/2023
498	Hoµng ThÞ Qu¸n	01/01/1973	Kh¸	C00713036	QPAN2023/510	13/6/2023
499	NguyÔn ThÞ Quyª n	18/08/1980	Kh¸	C00713037	QPAN2023/511	13/6/2023
500	T¹ ThÞ Quyª n	15/08/1989	Giái	C00713038	QPAN2023/512	13/6/2023
501	Hoµng ThÞ Quúnh	18/02/1991	Kh¸	C00713039	QPAN2023/513	13/6/2023
502	§ç ThÞ Thanh	16/07/1976	Trung b×nh	C00713040	QPAN2023/514	13/6/2023
503	Bïi ThÞ Th¶o	08/04/1974	Giái	C00713041	QPAN2023/515	13/6/2023
504	Ph¹m ThÞ Thu Thóy	09/10/1989	Kh¸	C00713042	QPAN2023/516	13/6/2023
505	Phan ThÞ Kim Th-	09/02/1994	Giái	C00713043	QPAN2023/517	13/6/2023
506	Quan ThÞ TiÖm	25/07/1995	Giái	C00713044	QPAN2023/518	13/6/2023
507	§µo ThÞ To¸n	23/09/1973	Kh¸	C00713045	QPAN2023/519	13/6/2023
508	NguyÔn ThÞ Th¶o Trang	28/06/1992	Kh¸	C00713046	QPAN2023/520	13/6/2023
509	Ph¹m ThÞ T-¬i	11/11/1992	Kh¸	C00713047	QPAN2023/521	13/6/2023
510	N«ng ThÞ Minh Tø	22/01/1986	Kh¸	C00713048	QPAN2023/522	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
511	Hoµng ThÞ V÷ng	23/06/1992	Kh¸	C00713049	QPAN2023/523	13/6/2023
512	TrÇn ThÞ XuyÕn	04/03/1995	Giái	C00713050	QPAN2023/524	13/6/2023
513	§µo ThÞ YÕn	18/09/1994	Kh¸	C00713051	QPAN2023/525	13/6/2023
514	Hoµng ThÞ Anh	25/08/1975	Giái	C00713052	QPAN2023/526	13/6/2023
515	NguyÔn ThÞ Chi³m	23/01/1991	Kh¸	C00713053	QPAN2023/527	13/6/2023
516	Hoµng ThÞ KiÒu Chinh	23/04/1994	Kh¸	C00713054	QPAN2023/528	13/6/2023
517	NguyÔn ThÞ ChÝn	12/06/1990	Giái	C00713055	QPAN2023/529	13/6/2023
518	NguyÔn ThÞ Ph-¬ng DiÖu	11/11/1994	Kh¸	C00713056	QPAN2023/530	13/6/2023
519	NguyÔn V¨n Hµ	20/05/1981	Giái	C00713057	QPAN2023/531	13/6/2023
520	D-¬ng ThÞ H»ng	04/02/1993	Giái	C00713058	QPAN2023/532	13/6/2023
521	Ninh Thu H»ng	22/06/1976	Giái	C00713059	QPAN2023/533	13/6/2023
522	Hoµng ThÞ HuÖ	24/10/1989	Trung b×nh	C00713065	QPAN2023/534	13/6/2023
523	Ma ThÞ H-¬ng	06/01/1992	Kh¸	C00713066	QPAN2023/535	13/6/2023
524	Hoµng ThÞ Ýt	26/02/1990	Kh¸	C00713067	QPAN2023/536	13/6/2023
525	Ma V¨n KhiÓm	15/01/1971	Kh¸	C00713068	QPAN2023/537	13/6/2023
526	Phan ThÞ Li³n	12/09/1996	Giái	C00713069	QPAN2023/538	13/6/2023
527	Hoµng ThÞ Loan	27/10/1991	Kh¸	C00713070	QPAN2023/539	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
528	NguyÔn V¨n L-¬ng	16/10/1974	Kh¸	C00713071	QPAN2023/540	13/6/2023
529	§µo ThÞ Minh	17/11/1995	Kh¸	C00713072	QPAN2023/541	13/6/2023
530	Phan ThÞ My	04/10/1994	Giái	C00713073	QPAN2023/542	13/6/2023
531	Hoµng ThÞ NgÇn	26/10/1995	Giái	C00713074	QPAN2023/543	13/6/2023
532	Ma ThÞ Nghi³m	01/03/1993	Kh¸	C00713075	QPAN2023/544	13/6/2023
533	L-¬ng ThÞ Kim Oanh	27/04/1996	Trung b×nh	C00713076	QPAN2023/545	13/6/2023
534	NguyÔn V¨n Tam	27/02/1971	Kh¸	C00713077	QPAN2023/546	13/6/2023
535	La ThÞ Thu	29/07/1975	Kh¸	C00713078	QPAN2023/547	13/6/2023
536	Léc ThÞ Thanh Thñy	16/01/1990	Kh¸	C00713079	QPAN2023/548	13/6/2023
537	L-ªng V¨n Thøc	13/09/1969	Giái	C00713080	QPAN2023/549	13/6/2023
538	V-¬ng ThÞ Xu©n	22/02/1985	Trung b×nh	C00713081	QPAN2023/550	13/6/2023
539	L-¬ng V¨n B¸u	10/09/1987	Giái	C00713082	QPAN2023/551	13/6/2023
540	NguyÔn Thanh B×nh	19/08/1989	Giái	C00713083	QPAN2023/552	13/6/2023
541	Ph¹m ThÞ Hßa B×nh	23/01/1976	Kh¸	C00713084	QPAN2023/553	13/6/2023
542	L³ ThÞ Minh Ch©u	15/02/1995	Kh¸	C00711801	QPAN2023/554	13/6/2023
543	NguyÔn Phan Duy Chinh	10/11/1992	Giái	C00711802	QPAN2023/555	13/6/2023
544	L³ ThÞ Cóc	19/07/1993	Kh¸	C00711803	QPAN2023/556	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
545	NguyÔn Thïy Dung	15/11/1994	Kh¸	C00711804	QPAN2023/557	13/6/2023
546	NguyÔn TiÕn §¹t	27/10/1994	Kh¸	C00711805	QPAN2023/558	13/6/2023
547	TrÇn ThÞ LÖ Giang	11/10/1990	Giái	C00711806	QPAN2023/559	13/6/2023
548	NguyÔn V¨n Gi¶n	05/12/1991	Giái	C00711807	QPAN2023/560	13/6/2023
549	L¹ Thu Hµ	23/11/1993	Kh¸	C00711808	QPAN2023/561	13/6/2023
550	NguyÔn ThÞ Thóy Hµ	01/03/1989	Kh¸	C00711809	QPAN2023/562	13/6/2023
551	Ph¹m ThÞ H¶i	05/08/1993	Kh¸	C00711810	QPAN2023/563	13/6/2023
552	NguyÔn ThÞ H¹nh	06/09/1991	Kh¸	C00711811	QPAN2023/564	13/6/2023
553	H¹c ThÞ H»ng	20/10/1996	Kh¸	C00711812	QPAN2023/565	13/6/2023
554	§Æng ThÞ HiÒn	10/04/1990	Kh¸	C00711813	QPAN2023/566	13/6/2023
555	TrÇn ThÞ ViÖt Hoa	04/01/1975	Kh¸	C00711814	QPAN2023/567	13/6/2023
556	§Æng ThÞ Hßa	25/06/1987	Kh¸	C00711815	QPAN2023/568	13/6/2023
557	§Æng ThÞ Hßa	10/12/1992	Giái	C00711816	QPAN2023/569	13/6/2023
558	Ma ThÞ Huy¸n	24/09/1974	Kh¸	C00711817	QPAN2023/570	13/6/2023
559	T« ThÞ Thu H-¬ng	15/07/1972	Kh¸	C00711818	QPAN2023/571	13/6/2023
560	Phïng ThÞ H-ên g	22/09/1992	Giái	C00711819	QPAN2023/572	13/6/2023
561	NguyÔn Trung Ki¸n	20/03/1984	Giái	C00711820	QPAN2023/573	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
562	Lý ThÞ LiÔu	02/10/1992	Kh¸	C00711821	QPAN2023/574	13/6/2023
563	NguyÔn Th¸i Linh	21/02/1989	Kh¸	C00711822	QPAN2023/575	13/6/2023
564	TrÇn ThÞ Loan	18/05/1994	Kh¸	C00711823	QPAN2023/576	13/6/2023
565	NÞnh ThÞ Lîi	06/08/1991	Kh¸	C00711824	QPAN2023/577	13/6/2023
566	Ma ThÞ Minh	23/10/1992	Kh¸	C00711825	QPAN2023/578	13/6/2023
567	Ph¹m ThÞ Nga	08/03/1996	Kh¸	C00711826	QPAN2023/579	13/6/2023
568	T¹ ThÞ Ngäc	20/02/1992	Kh¸	C00711827	QPAN2023/580	13/6/2023
569	Ma ThÞ NguyÖt	14/07/1988	Kh¸	C00711828	QPAN2023/581	13/6/2023
570	§ç ThÞ Nhung	01/06/1993	Kh¸	C00711829	QPAN2023/582	13/6/2023
571	NguyÔn ThÞ Trang Nhung	26/07/1987	Giái	C00711830	QPAN2023/583	13/6/2023
572	NguyÔn ThÞ Néi	12/06/1977	Kh¸	C00711831	QPAN2023/584	13/6/2023
573	L-¬ng ThÞ Ph-îng	16/09/1994	Kh¸	C00711832	QPAN2023/585	13/6/2023
574	§oµn ThÞ S¬n	02/06/1993	Kh¸	C00711833	QPAN2023/586	13/6/2023
575	Hoµng C«ng Sø	03/12/1974	Giái	C00711834	QPAN2023/587	13/6/2023
576	L-u ThÞ Thanh	08/11/1990	Kh¸	C00711835	QPAN2023/588	13/6/2023
577	Vò ThÞ Thanh Th¶o	12/05/1993	Kh¸	C00711836	QPAN2023/589	13/6/2023
578	NguyÔn Ngäc Th¾ng	29/06/1994	Kh¸	C00711837	QPAN2023/590	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
579	L-¬ng ThÞ Thoa	13/03/1995	Kh¸	C00711840	QPAN2023/591	13/6/2023
580	TrÇn ThÞ Hảng Tho¸ng	10/10/1990	Kh¸	C00711841	QPAN2023/592	13/6/2023
581	TrÇn ThÞ Thóy	10/12/1992	Giái	C00711842	QPAN2023/593	13/6/2023
582	NguyÔn ThÞ Thïy	04/04/1989	Trung b×nh	C00711843	QPAN2023/594	13/6/2023
583	NguyÔn ThÞ Trang	01/10/1994	Kh¸	C00711844	QPAN2023/595	13/6/2023
584	NguyÔn Quang TuÕ	02/01/1991	Giái	C00711845	QPAN2023/596	13/6/2023
585	¢u ThÞ Tó	02/12/1993	Kh¸	C00711846	QPAN2023/597	13/6/2023
586	Chu ThÞ XuyÕn	02/03/1993	Trung b×nh	C00711847	QPAN2023/598	13/6/2023
587	L-u ThÞ LÖ Quy³n	30/09/1994	Kh¸	C00711848	QPAN2023/599	13/6/2023
588	NguyÔn ThÞ Tïng Anh	25/09/1994	Kh¸	C00711849	QPAN2023/600	13/6/2023
589	T¹ Ngäc Anh	28/10/1991	Giái	C00711850	QPAN2023/601	13/6/2023
590	M«ng ThÞ B»ng	29/09/1972	Kh¸	C00711851	QPAN2023/602	13/6/2023
591	§ç Ngäc BÝch	17/02/1975	Kh¸	C00711852	QPAN2023/603	13/6/2023
592	Hoµng ThÞ ChiÒu	02/09/1974	Kh¸	C00711853	QPAN2023/604	13/6/2023
593	Ph¹m Ngäc DÜnh	10/10/1992	Kh¸	C00711854	QPAN2023/605	13/6/2023
594	§ç ThÞ Thóy H¶i	17/08/1997	Kh¸	C00711855	QPAN2023/606	13/6/2023
595	Vò TiÕn HËu	16/04/1974	Trung b×nh	C00711856	QPAN2023/607	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
596	Ma ThÞ HiÒn	12/09/1993	Kh¸	C00711857	QPAN2023/608	13/6/2023
597	NguyÔn ThÞ Thanh Hoa	21/10/1993	Giái	C00711858	QPAN2023/609	13/6/2023
598	§ç ThÞ Hảng	05/04/1982	Kh¸	C00711859	QPAN2023/610	13/6/2023
599	NguyÔn ThÞ HuyÒn	09/03/1981	Kh¸	C00711860	QPAN2023/611	13/6/2023
600	L³ ThÞ Mü Lan	16/10/1994	Kh¸	C00711861	QPAN2023/612	13/6/2023
601	L-¬ng V¨n Li³m	27/10/1988	Trung b×nh	C00711862	QPAN2023/613	13/6/2023
602	NguyÔn ThÞ Kim Li³n	29/01/1976	Kh¸	C00711863	QPAN2023/614	13/6/2023
603	TrÇn ThÞ Linh	20/03/1995	Kh¸	C00711864	QPAN2023/615	13/6/2023
604	Ph¹m ThÞ Loan	25/10/1973	Kh¸	C00711865	QPAN2023/616	13/6/2023
605	V-¬ng ThÞ L-u Ly	27/09/1993	Kh¸	C00711866	QPAN2023/617	13/6/2023
606	Vò ThÞ Kim Ng©n	29/10/1987	Kh¸	C00711867	QPAN2023/618	13/6/2023
607	Ma Hảng Ngäc	24/03/1992	Kh¸	C00711868	QPAN2023/619	13/6/2023
608	Bïi ThÞ Hảng Nhung	10/10/1995	Kh¸	C00711869	QPAN2023/620	13/6/2023
609	TrÇn Th¶o Ph-¬ng	16/03/1995	Kh¸	C00711870	QPAN2023/621	13/6/2023
610	Hoµng ThÞ Tè Quy³n	09/01/1989	Kh¸	C00711871	QPAN2023/622	13/6/2023
611	Bµn ThÞ Thµnh	01/10/1990	Kh¸	C00711872	QPAN2023/623	13/6/2023
612	Lý ThÞ Th¶o	10/10/1992	Kh¸	C00711873	QPAN2023/624	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
613	§Æng ThÞ Th¾m	19/11/1976	Kh¸	C00711874	QPAN2023/625	13/6/2023
614	Ma ThÞ Th¾m	14/09/1994	Kh¸	C00711875	QPAN2023/626	13/6/2023
615	Hoµng ThÞ ThiÖn	24/07/1978	Kh¸	C00711876	QPAN2023/627	13/6/2023
616	L-¬ng ThÞ Hoµi Thu	01/10/1977	Kh¸	C00711877	QPAN2023/628	13/6/2023
617	Hoµng ThÞ Thóy	07/01/1994	Kh¸	C00711878	QPAN2023/629	13/6/2023
618	NguyÔn ThÞ Tiªu	20/02/1975	Kh¸	C00711879	QPAN2023/630	13/6/2023
619	TriÖu ThÞ TiÕn	04/12/1974	Trung b×nh	C00711880	QPAN2023/631	13/6/2023
620	Lý V¨n TiÖp	18/10/1973	Kh¸	C00711881	QPAN2023/632	13/6/2023
621	NguyÔn V¨n Tíi	25/06/1994	Kh¸	C00711882	QPAN2023/633	13/6/2023
622	Ma ThÞ Trang	07/08/1992	Kh¸	C00711883	QPAN2023/634	13/6/2023
623	§Æng ThÞ Tr-ªng	01/01/1975	Kh¸	C00711884	QPAN2023/635	13/6/2023
624	Hoµng ThÞ T-¬i	25/09/1981	Kh¸	C00711885	QPAN2023/636	13/6/2023
625	Hoµng ThÞ H¶i YÕn	20/02/1990	Kh¸	C00711886	QPAN2023/637	13/6/2023
626	T« H¶i YÕn	14/09/1994	Kh¸	C00711887	QPAN2023/638	13/6/2023
627	Vò ThÞ V©n Anh	22/02/1991	Giái	C00711888	QPAN2023/639	13/6/2023
628	§inh ThÞ ChuyÓn	26/03/1984	Giái	C00711889	QPAN2023/640	13/6/2023
629	TriÖu Minh DÇn	01/09/1974	Kh¸	C00711890	QPAN2023/641	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
630	L-¬ng ThÞ Dung	06/03/1974	Trung b×nh	C00711891	QPAN2023/642	13/6/2023
631	TrÇn ThÞ Kim Dung	15/03/1982	Giái	C00711892	QPAN2023/643	13/6/2023
632	M· ThÞ Giang	19/06/1990	Giái	C00711893	QPAN2023/644	13/6/2023
633	Ban Thu H-íng	12/07/1974	Giái	C00711894	QPAN2023/645	13/6/2023
634	Hå ThÞ H-¬ng	11/09/1972	Kh¸	C00711895	QPAN2023/646	13/6/2023
635	Bïi Minh H»ng	25/10/1972	Giái	C00711896	QPAN2023/647	13/6/2023
636	§inh ThÞ Thu HiÒn	12/08/1992	Giái	C00711897	QPAN2023/648	13/6/2023
637	Hoµng Thu HiÒn	15/12/1975	Giái	C00711898	QPAN2023/649	13/6/2023
638	NguyÔn ThÞ HiÕu	26/12/1992	Giái	C00711899	QPAN2023/650	13/6/2023
639	Hoµng Ngäc Hoan	14/01/1977	Kh¸	C00711900	QPAN2023/651	13/6/2023
640	Lý ThÞ Thuý Hằng	16/06/1979	Kh¸	C00711901	QPAN2023/652	13/6/2023
641	Lª ThÞ Ngäc HuyÒn	01/07/1994	Giái	C00711902	QPAN2023/653	13/6/2023
642	Ng« §¨ng Khoa	25/04/1994	Kh¸	C00711903	QPAN2023/654	13/6/2023
643	Ma ThÞ Thanh Lam	10/08/1993	Kh¸	C00711904	QPAN2023/655	13/6/2023
644	Vi ThÞ Thanh Lan	16/06/1991	Kh¸	C00711905	QPAN2023/656	13/6/2023
645	NguyÔn ThÞ YÕn LiÔu	02/08/1975	Trung b×nh	C00711906	QPAN2023/657	13/6/2023
646	NguyÔn ThÞ Lùu	21/07/1994	Kh¸	C00711907	QPAN2023/658	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
647	NguyÔn ThÞ Ngäc Mïi	26/03/1990	Giái	C00711908	QPAN2023/659	13/6/2023
648	NguyÔn ThÞ TuyÕt Nga	08/07/1973	Giái	C00711909	QPAN2023/660	13/6/2023
649	Phïng ThÞ Nh©m	18/11/1991	Kh¸	C00711910	QPAN2023/661	13/6/2023
650	L¹ ThÞ Hång Nhung	25/02/1995	Giái	C00711911	QPAN2023/662	13/6/2023
651	Ph¹m ThÞ Ph-¬ng	15/01/1979	Kh¸	C00711912	QPAN2023/663	13/6/2023
652	NguyÔn ThÞ QuÕ	18/03/1975	Kh¸	C00711913	QPAN2023/664	13/6/2023
653	Ma ThÞ Kim Thanh	24/08/1975	Giái	C00711914	QPAN2023/665	13/6/2023
654	Ph¹m V¨n Thµnh	14/06/1995	Giái	C00711915	QPAN2023/666	13/6/2023
655	NguyÔn ThÞ Thuyªn	11/07/1974	Kh¸	C00711916	QPAN2023/667	13/6/2023
656	TrÇn Thuû Tiªn	16/10/1992	Kh¸	C00711917	QPAN2023/668	13/6/2023
657	Bµn Thanh T×nh	01/06/1976	Kh¸	C00711918	QPAN2023/669	13/6/2023
658	Vi V¨n To¸n	12/05/1973	Kh¸	C00711919	QPAN2023/670	13/6/2023
659	Vi ThÞ Thuú Trang	07/10/1991	Kh¸	C00711920	QPAN2023/671	13/6/2023
660	Viªn M¹nh TrÝ	29/01/1970	Kh¸	C00711921	QPAN2023/672	13/6/2023
661	TriÖu ThÞ Trinh	16/10/1991	Kh¸	C00711922	QPAN2023/673	13/6/2023
662	Vò ThÞ VÇn	15/02/1972	Kh¸	C00711923	QPAN2023/674	13/6/2023
663	§Æng ThÞ L¹ YÕn	01/09/1975	Kh¸	C00711924	QPAN2023/675	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
664	L-¬ng ThÞ H¶i YÕn	06/03/1979	Giái	C00711925	QPAN2023/676	13/6/2023
665	§ç ThÞ Hoµng Anh	15/06/1992	Giái	C00711926	QPAN2023/677	13/6/2023
666	Phan Thôc Anh	05/09/1972	Giái	C00711927	QPAN2023/678	13/6/2023
667	TrÇn ThÞ Lan Anh	28/07/1994	Giái	C00711928	QPAN2023/679	13/6/2023
668	NguyÔn ThÞ Thanh B×nh	30/10/1975	Kh¸	C00711929	QPAN2023/680	13/6/2023
669	Quan ThÞ Chung	01/08/1994	Kh¸	C00711930	QPAN2023/681	13/6/2023
670	L©m ThÞ Kim Dung	08/09/1976	Giái	C00711931	QPAN2023/682	13/6/2023
671	NguyÔn ThÞ Ph-¬ng Dung	20/06/1991	Kh¸	C00711932	QPAN2023/683	13/6/2023
672	Phïng ThÞ Dung	10/01/1995	Kh¸	C00711933	QPAN2023/684	13/6/2023
673	§ç Thu Hµ	27/06/1995	Giái	C00711934	QPAN2023/685	13/6/2023
674	Hµ ThÞ Thóy Hµ	10/10/1991	Giái	C00711935	QPAN2023/686	13/6/2023
675	NguyÔn ThÞ Thu Hµ	04/06/1992	Kh¸	C00711936	QPAN2023/687	13/6/2023
676	§oµn ThÞ H¶o	15/03/1976	Kh¸	C00711937	QPAN2023/688	13/6/2023
677	Mai ThÞ H¹nh	28/07/1975	Kh¸	C00711938	QPAN2023/689	13/6/2023
678	Hoµng ThÞ Hßa	14/07/1992	Giái	C00711939	QPAN2023/690	13/6/2023
679	Vi ThÞ HuÖ	22/09/1995	Kh¸	C00711940	QPAN2023/691	13/6/2023
680	Lý Xu©n Hïng	12/09/1995	Giái	C00711941	QPAN2023/692	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
681	Ph¹m ThÞ H-¬ng	03/07/1978	Kh¸	C00711942	QPAN2023/693	13/6/2023
682	D-¬ng ThÞ H-íng	29/09/1992	Kh¸	C00711943	QPAN2023/694	13/6/2023
683	NguyÔn Ngäc LÖ	02/03/1990	Giái	C00711944	QPAN2023/695	13/6/2023
684	N«ng Hång MËn	09/12/1993	Giái	C00711945	QPAN2023/696	13/6/2023
685	§Æng ThÞ HuyÒn Mi	31/12/1996	Giái	C00711946	QPAN2023/697	13/6/2023
686	Hµ ThÞ Thóy MiÒn	25/09/1993	Kh¸	C00711947	QPAN2023/698	13/6/2023
687	Ph¹m Thóy Nga	26/12/1977	Kh¸	C00711948	QPAN2023/699	13/6/2023
688	Hoµng ThÞ ¸nh NguyÖt	05/11/1977	Kh¸	C00711949	QPAN2023/700	13/6/2023
689	Lª ThÞ Nh-ên	17/02/1974	Giái	C00711950	QPAN2023/701	13/6/2023
690	Do·n V¨n Ph-¬ng	15/10/1976	Kh¸	C00711951	QPAN2023/702	13/6/2023
691	L-¬ng ThÞ Hång Th¾m	09/10/1985	Giái	C00711952	QPAN2023/703	13/6/2023
692	§µo ThÞ Thoa	20/06/1985	Kh¸	C00711953	QPAN2023/704	13/6/2023
693	Phan ThÞ Thu Trang	15/11/1996	Kh¸	C00711954	QPAN2023/705	13/6/2023
694	NguyÔn V¨n TuÊn	24/04/1991	Giái	C00711955	QPAN2023/706	13/6/2023
695	NguyÔn Hång T-¬i	04/03/1976	Kh¸	C00711956	QPAN2023/707	13/6/2023
696	Ph¹m §øc Tø	06/07/1972	Kh¸	C00711957	QPAN2023/708	13/6/2023
697	Ph¹m ThÞ Uyª n	26/07/1994	Giái	C00711958	QPAN2023/709	13/6/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
698	T¹ ThÞ Uyª n	15/05/1996	Kh¸	C00711959	QPAN2023/710	13/6/2023
699	Vũ Tuấn Anh	06/4/1994	Kh¸	C00711961	QPAN2023/711	13/6/2023
700	Lê Mạnh Dũng	29/6/1988	Giỏi	C00711962	QPAN2023/712	13/6/2023
701	Ma Thị Kiều	04/10/1990	Trung bình	C00711964	QPAN2023/713	13/6/2023
702	Trịnh Thị Thảo	01/01/1989	Khá	C00711965	QPAN2023/714	13/6/2023
703	Triệu Thị Lan Anh	10/25/1994	Giỏi	C00712116	QPAN2023/863	8/14/2023
704	Trần Thị Bình	11/17/1991	Giỏi	C00712117	QPAN2023/864	8/14/2023
705	Vùi Thị Chinh	12/20/1997	Giỏi	C00712118	QPAN2023/865	8/14/2023
706	Trần Thị Kim Dung	3/6/1980	Trung bình-khá	C00712119	QPAN2023/866	8/14/2023
707	Đinh Thị Bé Hằng	4/21/1991	Khá	C00712120	QPAN2023/867	8/14/2023
708	Nguyễn Thị Thúy Hòa	6/13/1985	Khá	C00712121	QPAN2023/868	8/14/2023
709	Vũ Thị Hoàn	2/4/1994	Khá	C00712122	QPAN2023/869	8/14/2023
710	Kim Thị Thanh Huyền	4/3/1998	Khá	C00712123	QPAN2023/870	8/14/2023
711	Hoàng Thị Hương	3/9/1995	Khá	C00712124	QPAN2023/871	8/14/2023
712	Hà Thị Lai	12/8/1992	Khá	C00712125	QPAN2023/872	8/14/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
713	Lù Thị Lan	2/10/1996	Khá	C00712126	QPAN2023/873	8/14/2023
714	Phan Thị Nam	2/21/1976	Khá	C00712127	QPAN2023/874	8/14/2023
715	Nguyễn Hồng Nhung	8/18/1997	Trung bình	C00712128	QPAN2023/875	8/14/2023
716	Nguyễn Thị Quyên	11/29/1994	Giỏi	C00712129	QPAN2023/876	8/14/2023
717	Vương Thị Thảo	9/1/1994	Khá	C00712130	QPAN2023/877	8/14/2023
718	Nguyễn Thị Thắng	7/12/1986	Khá	C00712131	QPAN2023/878	8/14/2023
719	Đỗ Thu Thủy	1/24/1995	Khá	C00712132	QPAN2023/879	8/14/2023
720	Mai Thị Trang	2/1/1994	Khá	C00712133	QPAN2023/880	8/14/2023
721	Bàn Thị Tươi	1/25/1997	Khá	C00712134	QPAN2023/881	8/14/2023
722	Vi Thị Xiêm	7/16/1989	Khá	C00712136	QPAN2023/882	8/14/2023
723	Nguyễn Thị Xuyến	3/20/1990	Khá	C00712135	QPAN2023/883	8/14/2023
724	Lê Thị Ngọc Anh	22/08/1988	Giỏi	C00712137	QPAN2023/884	10/18/2023
725	Ma Đình Chương	17/11/1987	Khá	C00712138	QPAN2023/885	10/18/2023
726	Phùng Quang Hà	01/8/1988	Khá	C00712139	QPAN2023/886	10/18/2023
727	Vũ Phương Hà	18/04/1985	Giỏi	C00712140	QPAN2023/887	10/18/2023
728	Vương Văn Hành	07/8/1988	Khá	C00712141	QPAN2023/888	10/18/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
729	Ma Thị Huyên	11/2/1982	Giỏi	C00712142	QPAN2023/889	10/18/2023
730	Lê Thị Thanh Huyền	06/8/1988	Khá	C00712143	QPAN2023/890	10/18/2023
731	Phan Thị Hương	25/05/1989	Giỏi	C00712144	QPAN2023/891	10/18/2023
732	Nguyễn Thị Hường	13/10/1985	Giỏi	C00712145	QPAN2023/892	10/18/2023
733	Lý A Khù	19/08/1989	Khá	C00712146	QPAN2023/893	10/18/2023
734	Hùng Kim Diệu Lan	30/04/1992	Giỏi	C00712147	QPAN2023/894	10/18/2023
735	Đào Trọng Nghĩa	8/1/1988	Khá	C00712148	QPAN2023/895	10/18/2023
736	Vũ Hồng Phong	28/06/1987	Giỏi	C00712149	QPAN2023/896	10/18/2023
737	Hoàng Ngọc Quế	1/1/1986	Giỏi	C00712150	QPAN2023/897	10/18/2023
738	Lê Văn Thạch	26/12/1990	Giỏi	C00712151	QPAN2023/898	10/18/2023
739	Nông Thị Thoan	22/11/1991	Giỏi	C00712152	QPAN2023/899	10/18/2023
740	Lê Thị Minh Thu	26/12/1992	Khá	C00712153	QPAN2023/900	10/18/2023
741	Hoàng Thị Thuỳ	2/5/1994	Giỏi	C00712154	QPAN2023/901	10/18/2023
742	Hoàng Thị Hồng Tính	6/1/1984	Khá	C00712155	QPAN2023/902	10/18/2023
743	Nguyễn Thị Minh An	28/10/1991	Giỏi	C00712156	QPAN2023/903	10/18/2023
744	Lê Thị Hường	6/12/1985	Khá	C00712157	QPAN2023/904	10/18/2023
745	Nguyễn Thị Lợi	7/10/1994	Giỏi	C00712158	QPAN2023/905	10/18/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
746	Giàng A Páo	16/03/1988	Khá	C00712159	QPAN2023/906	10/18/2023
747	Phạm Duy Thành	17/07/1995	Khá	C00712160	QPAN2023/907	10/18/2023
748	Hờ A Thênh	23/11/1983	Khá	C00712161	QPAN2023/908	10/18/2023
749	Ma Hải Trang	2/2/1995	Trung bình	C00712162	QPAN2023/909	10/18/2023
750	Nguyễn Quốc Trung	28/07/1989	Khá	C00712163	QPAN2023/910	10/18/2023
751	Đặng Đình Anh	5/14/1994	Khá	C00712164	QPAN2023/911	10/18/2023
752	Sùng A Cháng	6/7/1990	Trung bình	C00712165	QPAN2023/912	10/18/2023
753	Hoàng Khắc Chiều	1/26/1992	Trung bình	C00712166	QPAN2023/913	10/18/2023
754	Triệu Quốc Khánh Chung	9/2/1977	Trung bình	C00712167	QPAN2023/914	10/18/2023
755	Lộc Văn Dũng	10/1/1990	Khá	C00712168	QPAN2023/915	10/18/2023
756	Lưu Thị Hằng	4/9/1988	Khá	C00712169	QPAN2023/916	10/18/2023
757	Phạm Thị Huế	12/23/1994	Trung bình	C00712170	QPAN2023/917	10/18/2023
758	Lương Mạnh Hùng	2/26/1983	Khá	C00712171	QPAN2023/918	10/18/2023
759	Nguyễn Thị Nghệ	1/6/1988	Khá	C00712172	QPAN2023/919	10/18/2023
760	Bùi Thị Lê	12/10/1994	Khá	C00712173	QPAN2023/920	10/18/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
761	Phượng Tài Khé	9/29/1990	Khá	C00712174	QPAN2023/921	10/18/2023
762	Hà Thị Quê	6/12/1988	Khá	C00712175	QPAN2023/922	10/18/2023
763	Nguyễn Việt Thảo	5/25/1993	Trung bình	C00712176	QPAN2023/923	10/18/2023
764	Triệu Văn Tin	12/11/1994	Khá	C00712177	QPAN2023/924	10/18/2023
765	Lê Tuyết Trinh	11/15/1995	Giỏi	C00712178	QPAN2023/925	10/18/2023
766	Nguyễn Minh Ánh	12/26/1999	Trung bình khá	C00712181	QPAN2023/926	11/8/2023
767	Nguyễn Thị Kim Chuyên	6/21/2002	Trung bình	C00712182	QPAN2023/927	11/8/2023
768	Lê Thu Hà	1/7/2002	Trung bình khá	C00712183	QPAN2023/928	11/8/2023
769	Vũ Thị Thu Hằng	8/8/2003	Trung bình	C00712184	QPAN2023/929	11/8/2023
770	Đỗ Thị Hoa	1/24/1997	Trung bình khá	C00712185	QPAN2023/930	11/8/2023
771	Lâm Thanh Huyền	6/13/2003	Trung bình khá	C00712186	QPAN2023/931	11/8/2023
772	Trịnh Thanh Huyền	1/1/2000	Trung bình khá	C00712187	QPAN2023/932	11/8/2023
773	Hoàng Thị Phương Lan	12/26/2002	Khá	C00712188	QPAN2023/933	11/8/2023
774	Hà Thị Liên	12/6/2000	Trung bình khá	C00712189	QPAN2023/934	11/8/2023
775	Nguyễn Thị Thu Phương	5/6/2003	Trung bình	C00712190	QPAN2023/935	11/8/2023
776	Sìn Thị Thêm	5/14/2003	Trung bình	C00712191	QPAN2023/936	11/8/2023
777	Chẩu Thị Thiết	5/19/2000	Trung bình khá	C00712192	QPAN2023/937	11/8/2023
778	Nguyễn Thị Thùy	3/28/2003	Trung bình khá	C00712193	QPAN2023/938	11/8/2023
779	Trần Thị Huyền Trang	10/26/2001	Trung bình khá	C00712194	QPAN2023/939	11/8/2023
780	Vũ Thị Quỳnh Trang	5/28/2003	Giỏi	C00712195	QPAN2023/940	11/8/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
781	Nguyễn Hải Yến	10/26/2003	Trung bình khá	C00712196	QPAN2023/941	11/8/2023
782	Trần Đình An	11/18/2002	Trung bình	C00712197	QPAN2023/942	11/8/2023
783	Lý Đức Bảo	7/21/2000	Trung bình	C00712198	QPAN2023/943	11/8/2023
784	Bàn Văn Bằng	10/25/2001	Khá	C00712199	QPAN2023/944	11/8/2023
785	Nguyễn Thành Dương	3/1/2001	Khá	C00712200	QPAN2023/945	11/8/2023
786	Hoàng Quốc Đạt	12/3/2002	Trung bình	C00712201	QPAN2023/946	11/8/2023
787	Ma Công Giang	12/9/2002	Khá	C00712202	QPAN2023/947	11/8/2023
788	Nguyễn Ngọc Hùng	9/20/2002	Khá	C00712203	QPAN2023/948	11/8/2023
789	Tạ Văn Khánh	1/22/2002	Khá	C00712204	QPAN2023/949	11/8/2023
790	Nguyễn Quang Khải	9/20/2002	Trung bình	C00712205	QPAN2023/950	11/8/2023
791	Hoàng Phương Nam	5/19/2001	Trung bình	C00712206	QPAN2023/951	11/8/2023
792	Phạm Hồng Nhung	10/8/2002	Khá	C00712207	QPAN2023/952	11/8/2023
793	Nguyễn Tấn Phát	10/20/2002	Khá	C00712208	QPAN2023/953	11/8/2023
794	Đỗ Văn Quân	5/2/2002	Trung bình	C00712209	QPAN2023/954	11/8/2023
795	Hoàng Văn Quyền	12/25/2001	Khá	C00712210	QPAN2023/955	11/8/2023
796	Nguyễn Đức Toàn Thắng	5/16/2001	Khá	C00712211	QPAN2023/956	11/8/2023
797	Nguyễn Mạnh Thắng	2/13/2002	Trung bình	C00712212	QPAN2023/957	11/8/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
798	Trần Thị Thanh Thương	6/22/2002	Khá	C00712213	QPAN2023/958	11/8/2023
799	Triệu Hữu Toàn	4/7/2001	Trung bình	C00712214	QPAN2023/959	11/8/2023
800	Ma Thị Thủy Trang	4/18/2002	Khá	C00712215	QPAN2023/960	11/8/2023
801	Hoàng Anh Tuấn	7/30/2001	Trung bình	C00712216	QPAN2023/961	11/8/2023
802	Ma Khánh Tùng	2/6/2001	Trung bình	C00712217	QPAN2023/962	11/8/2023
803	Vũ Quốc Việt	3/29/2002	Khá	C00712218	QPAN2023/963	11/8/2023
804	Đỗ Văn Quý	3/15/2001	Khá	C00712219	QPAN2023/964	11/8/2023
805	Nguyễn Văn Kín	11/11/2000	Trung bình	C00712220	QPAN2023/965	11/8/2023
806	Hà Lan Anh	8/28/2002	Khá	C00712221	QPAN2023/966	11/8/2023
807	Lê Lan Anh	4/9/2002	Khá	C00712222	QPAN2023/967	11/8/2023
808	Mạc Bàn Quỳnh Anh	2/5/2002	Khá	C00712223	QPAN2023/968	11/8/2023
809	Nguyễn Mai Anh	2/6/2002	Khá	C00712224	QPAN2023/969	11/8/2023
810	Nguyễn Phương Anh	9/10/2002	Khá	C00712225	QPAN2023/970	11/8/2023
811	Thạch Thảo Anh	3/20/2002	Khá	C00712226	QPAN2023/971	11/8/2023
812	Trần Thị Vân Anh	11/9/2002	Khá	C00712227	QPAN2023/972	11/8/2023
813	Hoàng Thị Bắc	7/4/2002	Trung bình	C00712228	QPAN2023/973	11/8/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
814	Phạm Quỳnh Châm	7/30/2002	Trung bình	C00712229	QPAN2023/974	11/8/2023
815	Lê Minh Chiến	12/30/2002	Giỏi	C00712230	QPAN2023/975	11/8/2023
816	Lý Thị Chúc	4/16/2002	Khá	C00712231	QPAN2023/976	11/8/2023
817	Nguyễn Đăng Công	8/28/2002	Trung bình	C00712232	QPAN2023/977	11/8/2023
818	Chẩu Thị Mai Diệp	7/25/2002	Giỏi	C00712233	QPAN2023/978	11/8/2023
819	Ma Thùy Dung	11/10/2002	Trung bình	C00712234	QPAN2023/979	11/8/2023
820	Hoàng Tiến Dũng	9/3/2001	Khá	C00712235	QPAN2023/980	11/8/2023
821	Trần Văn Điệp	9/18/2002	Khá	C00712236	QPAN2023/981	11/8/2023
822	Đoàn Thị Hà Giang	9/5/2002	Khá	C00712237	QPAN2023/982	11/8/2023
823	Hoàng Thu Hà	11/1/2002	Khá	C00712238	QPAN2023/983	11/8/2023
824	Tráng Thị Hạnh	6/23/2002	Khá	C00712239	QPAN2023/984	11/8/2023
825	Nguyễn Thu Hằng	3/4/2002	Trung bình	C00712240	QPAN2023/985	11/8/2023
826	Phan Thị Hằng	12/22/2002	Khá	C00712241	QPAN2023/986	11/8/2023
827	Phạm Thị Hiền	12/14/2002	Khá	C00712242	QPAN2023/987	11/8/2023
828	Trần Thúy Hiền	7/4/2002	Khá	C00712243	QPAN2023/988	11/8/2023
829	Vũ Thúy Hiền	3/26/2002	Khá	C00712244	QPAN2023/989	11/8/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
830	Đào Thị Ngọc Hoài	4/6/2002	Khá	C00712245	QPAN2023/990	11/8/2023
831	Nguyễn Văn Hoàng	3/4/2002	Khá	C00712246	QPAN2023/991	11/8/2023
832	Chu Thị Hồng	7/8/2002	Khá	C00712247	QPAN2023/992	11/8/2023
833	Lù Thị Hồng	11/28/2002	Khá	C00712248	QPAN2023/993	11/8/2023
834	Ma Thị Hồng	9/22/2002	Khá	C00712249	QPAN2023/994	11/8/2023
835	Nguyễn Thị Hồng	2/19/2002	Khá	C00712250	QPAN2023/995	11/8/2023
836	Bàn Thị Huệ	9/18/2002	Khá	C00712251	QPAN2023/996	11/8/2023
837	Hoàng Thị Linh Huệ	9/22/2001	Khá	C00712252	QPAN2023/997	11/8/2023
838	Nguyễn Minh Huệ	1/1/2002	Khá	C00712253	QPAN2023/998	11/8/2023
839	Phạm Thị Thu Huyền	11/1/2002	Khá	C00712254	QPAN2023/999	11/8/2023
840	Lương Thị Hương	5/5/2002	Khá	C00712255	QPAN2023/1000	11/8/2023
841	Lương Thị Thanh Hưởng	12/22/2001	Khá	C00712256	QPAN2023/1001	11/8/2023
842	Quan Thị Thanh Lam	11/5/2001	Khá	C00712257	QPAN2023/1002	11/8/2023
843	Ma Thị Lê	10/1/2002	Khá	C00712258	QPAN2023/1003	11/8/2023
844	Nguyễn Thị Lệ	5/28/2002	Trung bình	C00712259	QPAN2023/1004	11/8/2023
845	Dương Thị Liên	1/2/2002	Trung bình	C00712260	QPAN2023/1005	11/8/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
846	Nông Thị Linh	5/18/2002	Khá	C00712261	QPAN2023/1006	11/8/2023
847	Chẩu Thị Như	5/11/2002	Khá	C00712262	QPAN2023/1007	11/8/2023
848	Cao Việt Thắng	1/16/2000	Khá	C00712263	QPAN2023/1008	11/8/2023
849	Nguyễn Thị Hồng Linh	4/12/2002	Khá	C00712264	QPAN2023/1009	11/8/2023
850	Đinh Thị Diều	11/28/2002	Khá	C00712265	QPAN2023/1010	11/8/2023
851	Phan Thị Linh Hương	9/6/2002	Khá	C00712266	QPAN2023/1011	11/8/2023
852	Lành Thị Sao Mai	5/2/2002	Khá	C00712267	QPAN2023/1012	11/8/2023
853	Hoàng Thu Hương	1/1/2002	Trung bình	C00712268	QPAN2023/1013	11/8/2023
854	Đặng Thị Thêu	7/3/2002	Khá	C00712269	QPAN2023/1014	11/8/2023
855	Tạ Thị Hiền	7/31/2002	Trung bình	C00712270	QPAN2023/1015	11/8/2023
856	Ma Thị Hoàn	1/8/2002	Khá	C00712271	QPAN2023/1016	11/8/2023
857	Ma Thị Hóa	2/24/1999	Trung bình	C00712272	QPAN2023/1017	11/8/2023
858	Đinh Thị Huyền	10/30/2002	Khá	C00712273	QPAN2023/1018	11/8/2023
859	Thào Thị Liên	4/8/2002	Trung bình	C00712274	QPAN2023/1019	11/8/2023
860	Hà Thị Ngọc Linh	2/6/2002	Khá	C00712275	QPAN2023/1020	11/8/2023
861	Nguyễn Hồng Loan	1/6/2002	Trung bình	C00712276	QPAN2023/1021	11/8/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
862	Hoàng Văn Lực	8/25/2002	Khá	C00712277	QPAN2023/1022	11/8/2023
863	Tô Khánh Ly	7/25/2002	Khá	C00712278	QPAN2023/1023	11/8/2023
864	Lý Thị Chà Mi	1/21/2002	Khá	C00712279	QPAN2023/1024	11/8/2023
865	Nguyễn Thành Nam	8/19/2002	Khá	C00712280	QPAN2023/1025	11/8/2023
866	Nguyễn Thị Ngà	7/15/2002	Trung bình	C00712281	QPAN2023/1026	11/8/2023
867	Bàn Thị Kim Ngân	8/17/2002	Khá	C00712282	QPAN2023/1027	11/8/2023
868	Nguyễn Huy Nguyên	9/15/2002	Trung bình	C00712283	QPAN2023/1028	11/8/2023
869	Nguyễn Hồng Nhân	7/2/2002	Khá	C00712284	QPAN2023/1029	11/8/2023
870	Đỗ Thị Hồng Nhung	11/8/2002	Khá	C00712285	QPAN2023/1030	11/8/2023
871	Nông Phương Nhung	5/29/2002	Khá	C00712286	QPAN2023/1031	11/8/2023
872	Chẩu Hải Phong	10/24/2002	Khá	C00712287	QPAN2023/1032	11/8/2023
873	Cao Việt Phương	10/28/2002	Khá	C00712288	QPAN2023/1033	11/8/2023
874	Nguyễn Xuân Phước	6/23/2002	Khá	C00712289	QPAN2023/1034	11/8/2023
875	Dương Thị Bích Phượng	12/31/2002	Khá	C00712290	QPAN2023/1035	11/8/2023
876	Ma Thị Phượng	4/10/2002	Giỏi	C00712291	QPAN2023/1036	11/8/2023
877	Đinh Thị Diễm Quỳnh	1/18/2002	Khá	C00712292	QPAN2023/1037	11/8/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
878	Hoàng Như Quỳnh	4/4/2002	Trung bình	C00712293	QPAN2023/1038	11/8/2023
879	Nông Thủy Quỳnh	8/8/2002	Trung bình	C00712294	QPAN2023/1039	11/8/2023
880	Nguyễn Thế Sang	3/26/2002	Khá	C00712295	QPAN2023/1040	11/8/2023
881	Đinh Thị Sâm	11/15/2002	Khá	C00712296	QPAN2023/1041	11/8/2023
882	Nguyễn Thế Tám	3/8/2002	Trung bình	C00712297	QPAN2023/1042	11/8/2023
883	Dào Mỹ Tâm	11/20/2002	Khá	C00712298	QPAN2023/1043	11/8/2023
884	Lý Thị Tâm	2/17/2002	Khá	C00712299	QPAN2023/1044	11/8/2023
885	Quan Thị Thanh	3/27/2002	Trung bình	C00712300	QPAN2023/1045	11/8/2023
886	Quan Thu Thanh	4/9/2002	Khá	C00712301	QPAN2023/1046	11/8/2023
887	Lê Phương Thảo	2/10/2002	Khá	C00712302	QPAN2023/1047	11/8/2023
888	Nguyễn Diệu Thu	7/27/2002	Khá	C00712303	QPAN2023/1048	11/8/2023
889	Nguyễn Anh Thuyên	2/9/2002	Khá	C00712304	QPAN2023/1049	11/8/2023
890	Ngô Thị Thanh Thương	7/7/2002	Khá	C00712305	QPAN2023/1050	11/8/2023
891	Lương Thị Trang	3/4/2002	Khá	C00712306	QPAN2023/1051	11/8/2023
892	Ngô Anh Tú	10/10/2002	Khá	C00712307	QPAN2023/1052	11/8/2023
893	Vũ Cẩm Tú	12/2/2002	Khá	C00712308	QPAN2023/1053	11/8/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
894	Lù Khánh Tùng	5/13/2002	Khá	C00712309	QPAN2023/1054	11/8/2023
895	Ngô Thanh Vịnh	12/17/2002	Khá	C00712310	QPAN2023/1055	11/8/2023
896	Lương Thị Yến	5/11/2002	Khá	C00712311	QPAN2023/1056	11/8/2023
897	Nguyễn Hải Yến	3/8/2002	Trung bình	C00712312	QPAN2023/1057	11/8/2023
898	Nguyễn Vũ Yến	9/22/2002	Khá	C00712313	QPAN2023/1058	11/8/2023
899	Lưu Mạnh Cường	5/5/2002	Khá	C00712314	QPAN2023/1059	11/8/2023
900	Đoàn Viết Cường	2/14/1998	Trung bình	C00712315	QPAN2023/1061	11/8/2023
901	Đỗ Mạnh Cường	3/11/1995	Trung bình	C00712316	QPAN2023/1062	11/8/2023
902	Nguyễn Thị Duyên	1/10/2002	Trung bình	C00712317	QPAN2023/1063	11/8/2023
903	Chẩu Thị Giang	11/23/2002	Trung bình	C00712318	QPAN2023/1064	11/8/2023
904	Hà Thị Thúy Hiền	4/29/2002	Trung bình	C00712319	QPAN2023/1065	11/8/2023
905	Hà Thu Hiền	3/20/2002	Khá	C00712320	QPAN2023/1066	11/8/2023
906	Ma Thị Huyền	7/18/2002	Khá	C00712321	QPAN2023/1068	11/8/2023
907	Nguyễn Thu Huyền	4/2/2002	Khá	C00712322	QPAN2023/1069	11/8/2023
908	Phùng Bích Hương	3/26/2002	Trung bình	C00712323	QPAN2023/1070	11/8/2023
909	Vũ Thị Thúy Hương	11/16/2002	Trung bình	C00712324	QPAN2023/1071	11/8/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
910	Ma Thu Hường	12/6/2001	Khá	C00712325	QPAN2023/1072	11/8/2023
911	Hoàng Kiều Khánh	6/27/2002	Khá	C00712326	QPAN2023/1073	11/8/2023
912	Hoàng Thanh Lam	11/28/2002	Trung bình	C00712327	QPAN2023/1074	11/8/2023
913	Ngô Bích Liên	11/27/2002	Trung bình	C00712328	QPAN2023/1075	11/8/2023
914	Nguyễn Thị Hoài Linh	2/20/2002	Trung bình	C00712329	QPAN2023/1076	11/8/2023
915	Đỗ Thị Mỹ Linh	8/22/2001	Trung bình	C00712330	QPAN2023/1077	11/8/2023
916	Hoàng Thị Loan	4/8/2002	Trung bình	C00712331	QPAN2023/1078	11/8/2023
917	Gia Thị Ly	12/2/2002	Trung bình	C00712332	QPAN2023/1079	11/8/2023
918	Nguyễn Kiều Ly	8/4/2002	Trung bình	C00712333	QPAN2023/1080	11/8/2023
919	Đỗ Xuân Mai	11/12/2002	Trung bình	C00712334	QPAN2023/1081	11/8/2023
920	Vũ Thị Ngọc Mai	9/15/2002	Trung bình	C00712335	QPAN2023/1083	11/8/2023
921	Dương Hoàng Mi	2/26/2002	Trung bình	C00712336	QPAN2023/1084	11/8/2023
922	Lâm Hà My	11/18/2002	Trung bình	C00712337	QPAN2023/1085	11/8/2023
923	Nguyễn Phương Nam	12/25/2002	Khá	C00712338	QPAN2023/1086	11/8/2023
924	Nguyễn Hồng Ngọc	7/5/2002	Trung bình	C00712339	QPAN2023/1087	11/8/2023
925	Trần Vương Nguyên	9/1/2002	Khá	C00712340	QPAN2023/1088	11/8/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
926	Bùi Kiều Oanh	8/17/2002	Trung bình	C00712341	QPAN2023/1089	11/8/2023
927	Phạm Văn Phong	11/13/2002	Trung bình	C00712342	QPAN2023/1090	11/8/2023
928	Nguyễn Ngọc Phượng	2/12/2002	Khá	C00712343	QPAN2023/1091	11/8/2023
929	Hoàng Công Quý	3/3/2002	Trung bình	C00712344	QPAN2023/1092	11/8/2023
930	Nguyễn Hải San	11/11/2002	Khá	C00712345	QPAN2023/1093	11/8/2023
931	Triệu Thị Tâm	10/4/1995	Khá	C00712346	QPAN2023/1095	11/8/2023
932	Lê Thành Tiến	10/14/2001	Khá	C00712347	QPAN2023/1096	11/8/2023
933	Ngô Quang Tiệp	10/7/2001	Khá	C00712348	QPAN2023/1097	11/8/2023
934	Phạm Anh Tú	10/15/2002	Trung bình	C00712349	QPAN2023/1098	11/8/2023
935	Lý Hoàng Anh Tuấn	9/6/2001	Khá	C00712350	QPAN2023/1099	11/8/2023
936	Tạ Anh Tuấn	10/19/2001	Khá	C00712351	QPAN2023/1100	11/8/2023
937	Trần Duy Tùng	11/27/2002	Khá	C00712352	QPAN2023/1101	11/8/2023
938	Nguyễn Văn Tường	10/7/2001	Trung bình	C00712353	QPAN2023/1102	11/8/2023
939	Bùi Phương Thảo	6/11/2002	Khá	C00712354	QPAN2023/1103	11/8/2023
940	Hỏa Thị Thảo	3/13/2002	Khá	C00712355	QPAN2023/1104	11/8/2023
941	Lê Thu Thảo	5/8/2002	Trung bình	C00712356	QPAN2023/1105	11/8/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
942	Nguyễn Thu Thảo	8/29/2001	Trung bình	C00712357	QPAN2023/1106	11/8/2023
943	Phạm Hoàng Diệu Thảo	3/1/2002	Trung bình	C00712358	QPAN2023/1107	11/8/2023
944	Nguyễn Thị Hoài Thu	1/27/2000	Giỏi	C00712359	QPAN2023/1108	11/8/2023
945	Nông Hà Trang	3/3/2002	Trung bình	C00712360	QPAN2023/1109	11/8/2023
946	Hà Thị Vân	11/22/2002	Trung bình	C00712361	QPAN2023/1110	11/8/2023
947	Lương Thị Thùy Dương	11/10/2002	Trung bình	C00712362	QPAN2023/1111	11/8/2023
948	Trần Thanh Hoài	7/2/2002	Khá	C00712363	QPAN2023/1112	11/8/2023
949	Phạm Lưu Ly	10/22/1998	Khá	C00712364	QPAN2023/1113	11/8/2023
950	Lục Thị Hồng Nhung	10/14/2002	Khá	C00712365	QPAN2023/1114	11/8/2023
951	Dương Thị Diễm Quỳnh	9/21/2002	Trung bình	C00712366	QPAN2023/1115	11/8/2023
952	Lê Khánh Vy	8/23/2002	Khá	C00712367	QPAN2023/1116	11/8/2023
953	Hà Hồng Anh	12/24/2002	Khá	C00712368	QPAN2023/1117	11/8/2023
954	Nguyễn Thị Huyên	1/22/2002	Khá	C00712369	QPAN2023/1118	11/8/2023
955	Nông Thị Liên	7/24/2002	Khá	C00712370	QPAN2023/1119	11/8/2023
956	Ma Hiền Ngân	3/23/2002	Khá	C00712371	QPAN2023/1120	11/8/2023
957	Trần Thị Thúy Hường	11/19/2001	Khá	C00712372	QPAN2023/1121	11/8/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
958	Nguyễn Bá Đạt	12/24/2002	Khá	C00712373	QPAN2023/1122	11/8/2023
959	Hoàng Trung Thành	1/6/2002	Khá	C00712374	QPAN2023/1123	11/8/2023
960	Phạm Thừa Tước	9/21/2002	Khá	C00712375	QPAN2023/1124	11/8/2023
961	Lê Thị Huyền Vy	8/16/2002	Khá	C00712376	QPAN2023/1125	11/8/2023
962	Nguyễn Thị Trà My	9/20/2001	Khá	C00712377	QPAN2023/1126	11/8/2023
963	Hoàng Thị Kim Cúc	9/28/2002	Khá	C00712378	QPAN2023/1127	11/8/2023
964	Đặng Thu Hiền	6/12/2002	Khá	C00712379	QPAN2023/1128	11/8/2023
965	Nguyễn Bích Lan	1/9/2002	Khá	C00712380	QPAN2023/1129	11/8/2023
966	Phạm Tú Linh	11/26/2002	Khá	C00712381	QPAN2023/1130	11/8/2023
967	Nguyễn Quang Luận	5/21/2002	Khá	C00712382	QPAN2023/1131	11/8/2023
968	Nguyễn Thanh Ngân	3/25/2002	Khá	C00712383	QPAN2023/1132	11/8/2023
969	Nguyễn Thị Ái Nghĩa	5/26/2001	Khá	C00712384	QPAN2023/1133	11/8/2023
970	Phùng Văn Tám	7/4/2002	Khá	C00712385	QPAN2023/1134	11/8/2023
971	Hoàng Quốc Toàn	5/15/2002	Khá	C00712386	QPAN2023/1135	11/8/2023
972	Nguyễn Dương Thùy Trang	12/17/2002	Giỏi	C00712387	QPAN2023/1136	11/8/2023
973	Nguyễn Thị Thu Trà	2/18/2002	Khá	C00712388	QPAN2023/1137	11/8/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
974	Lương Trung Tuấn	12/26/2002	Khá	C00712389	QPAN2023/1138	11/8/2023
975	Trần Long Vũ	8/28/2000	Giỏi	C00712390	QPAN2023/1139	11/8/2023
976	Nguyễn Minh Hạnh	10/22/2001	Khá	C00712391	QPAN2023/1140	11/8/2023
977	Đỗ Xuân Minh	1/29/2001	Trung bình	C00712392	QPAN2023/1141	11/8/2023
978	Nguyễn Mạnh Cường	3/1/2001	Khá	C00712393	QPAN2023/1142	11/8/2023
979	Triệu Quang Linh	12/6/2002	Khá	C00712394	QPAN2023/1143	11/8/2023
980	Trần Ngọc Hiếu	12/29/2001	Giỏi	C00712395	QPAN2023/1144	11/8/2023
981	Hoàng Yến Chi	4/12/2002	Khá	C00712396	QPAN2023/1145	11/8/2023
982	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	9/4/2002	Trung bình	C00712397	QPAN2023/1146	11/8/2023
983	Bàn Huy Du	7/1/2000	Trung bình	C00712398	QPAN2023/1147	11/8/2023
984	Nguyễn Minh Đức	5/10/2002	Khá	C00712399	QPAN2023/1148	11/8/2023
985	Phan Hồng Hạnh	1/7/2002	Trung bình	C00712400	QPAN2023/1149	11/8/2023
986	Vũ Thị Thu Hạnh	2/13/2002	Khá	C00712401	QPAN2023/1150	11/8/2023
987	Nguyễn Thị Hằng	11/12/2002	Khá	C00712402	QPAN2023/1151	11/8/2023
988	Vũ Thanh Hoa	4/25/2002	Khá	C00712403	QPAN2023/1152	11/8/2023
989	Nguyễn Thu Hoài	12/24/1997	Khá	C00712404	QPAN2023/1153	11/8/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
990	Nguyễn Thu Hoài	3/15/2002	Khá	C00712405	QPAN2023/1154	11/8/2023
991	Nguyễn Đức Huy	12/30/2002	Trung bình	C00712406	QPAN2023/1155	11/8/2023
992	Chẩu Thị Hương	3/22/2001	Khá	C00712407	QPAN2023/1156	11/8/2023
993	Trần Thị Hương	6/7/1998	Khá	C00712408	QPAN2023/1157	11/8/2023
994	Trịnh Thị Hương	7/24/2002	Khá	C00712409	QPAN2023/1158	11/8/2023
995	Nguyễn Thành Nam	11/9/2002	Khá	C00712410	QPAN2023/1160	11/8/2023
996	Trần Bảo Ngọc	9/11/2002	Giỏi	C00712411	QPAN2023/1161	11/8/2023
997	Trịnh Uyển Nhi	6/5/2002	Trung bình	C00712412	QPAN2023/1162	11/8/2023
998	Vũ Hồng Nhung	10/9/2002	Khá	C00712413	QPAN2023/1163	11/8/2023
999	Nguyễn Thị Kim Oanh	7/1/2002	Khá	C00712414	QPAN2023/1164	11/8/2023
1000	Lê Thúy Phương	10/21/2002	Khá	C00712415	QPAN2023/1165	11/8/2023
1001	Nguyễn Vũ Minh Phương	4/20/2002	Khá	C00712416	QPAN2023/1166	11/8/2023
1002	Trần Thúy Phương	5/15/2002	Khá	C00712417	QPAN2023/1167	11/8/2023
1003	Chu Văn Thanh	2/26/2002	Trung bình	C00712418	QPAN2023/1168	11/8/2023
1004	Hoàng Thu Thảo	5/17/2002	Trung bình	C00712419	QPAN2023/1169	11/8/2023
1005	Nguyễn Hoàng Thắng	9/26/1998	Khá	C00712420	QPAN2023/1170	11/8/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
1006	Lộc Xuân Trường	1/7/2002	Trung bình	C00712421	QPAN2023/1171	11/8/2023
1007	Hà Thị Thu Uyên	9/29/1999	Khá	C00712422	QPAN2023/1172	11/8/2023
1008	Nguyễn Bích Vân	12/15/1998	Khá	C00712423	QPAN2023/1173	11/8/2023
1009	Hoàng Thị Yến	1/24/2001	Khá	C00712424	QPAN2023/1174	11/8/2023
1010	Trần Thị Hương Giang	10/14/2001	Khá	C00712425	QPAN2023/1175	11/8/2023
1011	Hoàng Minh Huệ	5/1/2002	Khá	C00712426	QPAN2023/1176	11/8/2023
1012	Vũ Văn Bình	11/22/2002	Khá	C00712427	QPAN2023/1177	11/8/2023
1013	Lê Doãn Hùng	11/17/1997	Khá	C00712428	QPAN2023/1178	11/8/2023
1014	Hoàng Thị Thanh Chúc	5/19/2002	Khá	C00712429	QPAN2023/1179	11/8/2023
1015	Lê Thị Thanh Cúc	8/23/2002	Trung bình	C00712430	QPAN2023/1180	11/8/2023
1016	Đặng Thị Du	9/16/2002	Trung bình	C00712431	QPAN2023/1181	11/8/2023
1017	Chẩu Phương Dung	10/21/2002	Trung bình	C00712432	QPAN2023/1182	11/8/2023
1018	Lê Thị Kim Dung	7/22/2002	Trung bình	C00712433	QPAN2023/1183	11/8/2023
1019	Vũ Thùy Dương	1/5/2001	Trung bình	C00712434	QPAN2023/1184	11/8/2023
1020	Long Thị Đào	1/21/2001	Trung bình	C00712435	QPAN2023/1185	11/8/2023
1021	Hoàng Thị Hằng	10/28/2002	Trung bình	C00712436	QPAN2023/1186	11/8/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
1022	Ly Thị Hoa	4/20/2002	Khá	C00712437	QPAN2023/1187	11/8/2023
1023	Ma Thị Huyền	10/21/2002	Trung bình	C00712438	QPAN2023/1188	11/8/2023
1024	La Thị Lan Hương	3/30/2002	Trung bình	C00712439	QPAN2023/1189	11/8/2023
1025	Ma Thị Thu Hường	10/12/2002	Trung bình	C00712440	QPAN2023/1190	11/8/2023
1026	Dương Thị Lệ	10/28/2002	Khá	C00712441	QPAN2023/1191	11/8/2023
1027	Hoàng Thu Lệ	11/1/2002	Trung bình	C00712442	QPAN2023/1192	11/8/2023
1028	Triệu Khánh Linh	12/27/2001	Trung bình	C00712443	QPAN2023/1193	11/8/2023
1029	Đào Thị Hương Ly	6/22/2002	Khá	C00712444	QPAN2023/1194	11/8/2023
1030	Vũ Thị Hải Ly	10/8/2001	Khá	C00712445	QPAN2023/1195	11/8/2023
1031	Đinh Chu Quỳnh Nga	10/31/2002	Trung bình	C00712446	QPAN2023/1196	11/8/2023
1032	Hoàng Khánh Nhâm	5/17/2002	Khá	C00712447	QPAN2023/1197	11/8/2023
1033	Hoàng Nguyệt Nhi	8/5/2002	Trung bình	C00712448	QPAN2023/1198	11/8/2023
1034	Ma Thị Minh Phương	11/8/2002	Khá	C00712449	QPAN2023/1199	11/8/2023
1035	Trương Thị Thu Phương	3/15/2002	Khá	C00712450	QPAN2023/1200	11/8/2023
1036	Phương Thị Diễm Quỳnh	8/19/2002	Trung bình	C00712451	QPAN2023/1201	11/8/2023
1037	Nguyễn Huyền Thảo	8/15/2002	Khá	C00712452	QPAN2023/1202	11/8/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp		
1038	Nguyễn Thị Thơm	6/5/2002	Trung bình	C00712453	QPAN2023/1203	11/8/2023		
1039	Đào Thị Thùy Trang	10/11/2002	Khá	C00712454	QPAN2023/1204	11/8/2023		
1040	Nguyễn Huyền Trang	8/8/2002	Trung bình	C00712455	QPAN2023/1205	11/8/2023		
1041	Nguyễn Thu Trang	6/29/2002	Trung bình	C00712456	QPAN2023/1206	11/8/2023		
1042	Lê Thị Tuyết Trinh	12/25/2002	Khá	C00712457	QPAN2023/1207	11/8/2023		
1043	Lý Thị Vân	4/3/2002	Khá	C00712458	QPAN2023/1208	11/8/2023		
1044	Trần Hải Yến	8/2/2002	Trung bình	C00712459	QPAN2023/1209	11/8/2023		
1045	Trần Thị Hạnh	12/23/2001	Khá	C00712460	QPAN2023/1210	11/8/2023		
1046	Ma Thị Châm	12/29/1991	Khá	C00712461	QPAN2023/1060	12/7/2023	#REF!	21
1047	Hoàng Mạnh Công	2/9/1992	Khá	C00712462	QPAN2023/1067	12/7/2023	#REF!	60
1048	Bùi Đức Đông	1/20/1986	Khá	C00712463	QPAN2023/1082	12/7/2023		
1049	Vũ Thành Đông	3/13/1994	Giỏi	C00712464	QPAN2023/1094	12/7/2023		
1050	Ma Thị Hà	1/2/1990	Khá	C00712465	QPAN2023/1159	12/7/2023		
1051	Phạm Thị Thu Hằng	12/3/1984	Khá	C00712466	QPAN2023/1211	12/7/2023		
1052	Phạm Ngọc Hoàng	6/27/1985	Giỏi	C00712467	QPAN2023/1212	12/7/2023		
1053	Hà Thị Huyền	4/7/1982	Giỏi	C00712468	QPAN2023/1213	12/7/2023		

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
1054	Vũ Lan Hương	5/7/1990	Khá	C00712469	QPAN2023/1214	12/7/2023
1055	Trần Hoàng Long	1/28/1984	Giỏi	C00712470	QPAN2023/1215	12/7/2023
1056	Nguyễn Thành Luân	9/28/1991	Giỏi	C00712471	QPAN2023/1216	12/7/2023
1057	Lương Thị Luyến	5/21/1988	Khá	C00712472	QPAN2023/1217	12/7/2023
1058	Đồng Tiến Mạnh	11/3/1998	Trung bình	C00712473	QPAN2023/1218	12/7/2023
1059	Mông Thị Nhâm	2/20/1992	Khá	C00712474	QPAN2023/1219	12/7/2023
1060	Trần Thị Thảo	5/9/1990	Giỏi	C00712475	QPAN2023/1220	12/7/2023
1061	Trần Xuân Thúy	11/1/1978	Khá	C00712476	QPAN2023/1221	12/7/2023
1062	Nguyễn Thị Tuyền	3/29/1991	Khá	C00712477	QPAN2023/1222	12/7/2023
1063	Lương Thị Kim Xuyến	10/10/1990	Khá	C00712478	QPAN2023/1223	12/7/2023
1064	Lý Thị Huyền Chang	4/29/1992	Giỏi	C00712479	QPAN2023/1224	12/7/2023
1065	Phạm Thị Linh Chi	5/16/1990	Khá	C00712480	QPAN2023/1225	12/7/2023
1066	Đỗ Thị Diễm	12/20/1992	Khá	C00712481	QPAN2023/1226	12/7/2023
1067	Nguyễn Thị Diệp	1/29/1994	Trung bình	C00712482	QPAN2023/1227	12/7/2023
1068	Nguyễn Thị Hà	6/26/1990	Khá	C00712483	QPAN2023/1228	12/7/2023
1069	Nguyễn Thị Thu Hà	12/20/1984	Giỏi	C00712484	QPAN2023/1229	12/7/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
1070	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	11/6/1992	Trung bình	C00712485	QPAN2023/1230	12/7/2023
1071	Trần Thu Hằng	6/30/1990	Khá	C00712486	QPAN2023/1231	12/7/2023
1072	Nguyễn Trung Hiếu	9/17/1995	Khá	C00712487	QPAN2023/1232	12/7/2023
1073	Bùi Quang Hoà	11/7/1981	Giỏi	C00712488	QPAN2023/1233	12/7/2023
1074	Phạm Thị Khánh Hoà	4/5/1994	Trung bình	C00712489	QPAN2023/1234	12/7/2023
1075	Lê Thị Hợp	11/30/1984	Giỏi	C00712490	QPAN2023/1235	12/7/2023
1076	Hoàng Phi Hồng	2/13/1993	Khá	C00712491	QPAN2023/1236	12/7/2023
1077	Phan Thu Hồng	2/1/1984	Khá	C00712492	QPAN2023/1237	12/7/2023
1078	Phạm Thị Huyền	5/1/1989	Khá	C00712493	QPAN2023/1238	12/7/2023
1079	La Trung Huynh	5/7/1985	Khá	C00712494	QPAN2023/1239	12/7/2023
1080	Quách Thế Hưng	2/20/1994	Giỏi	C00712495	QPAN2023/1240	12/7/2023
1081	Nguyễn Thị Hương	8/5/1995	Giỏi	C00712496	QPAN2023/1241	12/7/2023
1082	Vũ Thị Hương	7/10/1990	Khá	C00712497	QPAN2023/1242	12/7/2023
1083	Ngô Trung Kiên	8/24/1995	Khá	C00712498	QPAN2023/1243	12/7/2023
1084	Trần Thị Diễm Kiều	10/16/1990	Giỏi	C00712499	QPAN2023/1244	12/7/2023
1085	Nguyễn Thị Lan	4/20/1991	Khá	C00712500	QPAN2023/1245	12/7/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
1086	Phúc Thị Hương Lan	9/22/1992	Trung bình	C00712501	QPAN2023/1246	12/7/2023
1087	Quan Văn Lòng	4/27/1985	Khá	C00712502	QPAN2023/1247	12/7/2023
1088	Âu Thị Ngọc Mai	7/6/1986	Khá	C00712503	QPAN2023/1248	12/7/2023
1089	Vũ Đình Nam	4/5/1991	Giỏi	C00712504	QPAN2023/1249	12/7/2023
1090	Nguyễn Thị Nhâm	1/2/1991	Giỏi	C00712505	QPAN2023/1250	12/7/2023
1091	Nông Thị Nhung	6/1/1988	Giỏi	C00712506	QPAN2023/1251	12/7/2023
1092	Linh Thị Thuý Nga	10/19/1989	Khá	C00712507	QPAN2023/1252	12/7/2023
1093	Nguyễn Kim Ngân	8/28/1991	Khá	C00712508	QPAN2023/1253	12/7/2023
1094	Nguyễn Ngọc Mai Phương	8/12/2003	Khá	C00712509	QPAN2023/1254	12/7/2023
1095	Vũ Thu Quỳnh	9/12/1994	Khá	C00712510	QPAN2023/1255	12/7/2023
1096	Trịnh Thanh Tâm	10/16/1993	Giỏi	C00712511	QPAN2023/1256	12/7/2023
1097	Đặng Thị Thao	3/26/1991	Giỏi	C00712512	QPAN2023/1257	12/7/2023
1098	Vũ Thị Thảo	5/28/1990	Trung bình	C00712513	QPAN2023/1258	12/7/2023
1099	Trần Thị Kim Thoa	3/17/1990	Giỏi	C00712514	QPAN2023/1259	12/7/2023
1100	Đoàn Thị Thanh Thu	11/5/1986	Khá	C00712515	QPAN2023/1260	12/7/2023
1101	Ma Công Thuật	12/1/1987	Trung bình	C00712516	QPAN2023/1261	12/7/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
1102	Nguyễn Tiến Thuyết	8/5/1990	Khá	C00712517	QPAN2023/1262	12/7/2023
1103	Nguyễn Hồng Tĩnh	10/6/1976	Trung bình	C00712518	QPAN2023/1263	12/7/2023
1104	Lê Thị Trang	12/25/1990	Giỏi	C00712519	QPAN2023/1264	12/7/2023
1105	Trần Thu Trang	7/24/1987	Khá	C00712520	QPAN2023/1265	12/7/2023
1106	Trần Hưng Tùng	9/17/1983	Khá	C00712521	QPAN2023/1266	12/7/2023
1107	Tạ Quốc Vương	9/16/1994	Khá	C00712522	QPAN2023/1267	12/7/2023
1108	Nguyễn Thị Hải Yến	8/11/1986	Khá	C00712523	QPAN2023/1268	12/7/2023
1109	Nguyễn Thị Hải Yến	7/27/1989	Khá	C00712524	QPAN2023/1269	12/7/2023
1110	Trần Thị Lộc	4/26/1998	Khá	C00712525	QPAN2023/1270	12/7/2023
1111	Bàn Thị Dung	2/10/1986	Khá	C00712526	QPAN2023/1271	12/7/2023
1112	Trần Anh Dũng	7/4/1994	Khá	C00712527	QPAN2023/1272	12/7/2023
1113	Trần Văn Dũng	2/23/1994	Khá	C00712528	QPAN2023/1273	12/7/2023
1114	Nguyễn Việt Hùng	4/17/1989	Khá	C00712529	QPAN2023/1274	12/7/2023
1115	Nông Thị Thắm	8/26/1990	Khá	C00712530	QPAN2023/1275	12/7/2023
1116	Phạm Thị Thìn	10/31/1988	Khá	C00712531	QPAN2023/1276	12/7/2023
1117	Trần Đức Việt	4/13/1994	Khá	C00712532	QPAN2023/1277	12/7/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
1118	Triệu Việt Đức	12/24/1998	Khá	C00712533	QPAN2023/1278	12/7/2023
1119	Đào Thu Yến	6/1/2001	Khá	C00712534	QPAN2023/1279	12/7/2023
1120	Vương Văn Bình	11/5/1981	Trung bình	C00712535	QPAN2023/1280	12/7/2023
1121	Ma Kiều Giang	10/30/1987	Khá	C00712536	QPAN2023/1281	12/7/2023
1122	Nguyễn Thị Thu Hiền	6/30/1985	Giỏi	C00712537	QPAN2023/1282	12/7/2023
1123	Trần Thị Mai Hương	10/29/1990	Khá	C00712538	QPAN2023/1283	12/7/2023
1124	Phùng Thu Thảo	5/13/1994	Trung bình	C00712539	QPAN2023/1284	12/7/2023
1125	Đặng Thị Vần	8/7/1985	Khá	C00712540	QPAN2023/1285	12/7/2023
1126	Triệu Thị Nhạc	1/16/1986	Khá	C00712541	QPAN2023/1286	12/7/2023
1127	Ma Thị Hằng	9/26/1990	Khá	C00712542	QPAN2023/1287	12/7/2023
1128	Phạm Thị Thu Trang	12/10/1987	Trung bình	C00712543	QPAN2023/1288	12/7/2023
1129	Phùng Văn Tân	2/27/1972	Trung bình	C00712544	QPAN2023/1289	12/7/2023
1130	Phạm Khánh Tân	1/14/1983	Khá	C00712545	QPAN2023/1290	12/7/2023
1131	Lê Trung Kiên	6/2/1992	Khá	C00712546	QPAN2023/1291	12/7/2023
1132	Trần Việt Anh	12/8/1992	Khá	C00712547	QPAN2023/1292	12/7/2023
1133	Lê Thị Minh Châm	10/14/1983	Khá	C00712548	QPAN2023/1293	12/7/2023

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ngày cấp
1134	Nguyễn Thu Hiền	5/17/1987	Khá	C00712549	QPAN2023/1294	12/7/2023
1135	Nguyễn Huy Hoàng	12/21/1994	Khá	C00712550	QPAN2023/1295	12/7/2023
1136	Bùi Thu Thuỷ	9/13/1992	Khá	C00712551	QPAN2023/1296	12/7/2023
1137	Trần Thị Thuý	6/15/1989	Khá	C00712552	QPAN2023/1297	12/7/2023
1138	Hoàng Ngọc Thi	11/2/1983	Khá	C00712553	QPAN2023/1298	12/7/2023